

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

PHAN THỊ MINH THƯ

**NHẬN DIỆN VÀ GIẢM THIỂU RỦI RO
TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN LÂM ĐỒNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Lạt - Năm 2007

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

PHAN THỊ MINH THƯ

**NHẬN DIỆN VÀ GIẢM THIỂU RỦI RO
TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN LÂM ĐỒNG**

Chuyên ngành: **Kinh tế Tài chính - Ngân hàng**

Mã số: **60.31.12**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: **PGS-TS TRẦN HOÀNG NGÂN**

Đà Lạt - Năm 2007

MỤC LỤC

1.1	Tổng quan về ngân hàng thương mại	2
1.1.1	Khái niệm.....	2
1.1.2	Các chức năng của Ngân hàng thương mại	2
1.1.2.1	Chức năng làm trung gian tài chính	2
1.1.2.2	Chức năng làm trung gian thanh toán.....	3
1.1.2.3	Chức năng tạo tiền.....	3
1.1.2.4	Chức năng làm dịch vụ tài chính và các dịch vụ khác	4
1.1.3	Sơ lược các mặt hoạt động của ngân hàng thương mại	5
1.1.3.1	Hoạt động huy động vốn	5
1.1.3.2	Vay của ngân hàng:	5
1.1.3.3	Hoạt động tín dụng	5
1.1.3.4	Nghiệp vụ đầu tư	6
1.1.3.5	Hoạt động kinh doanh ngoại tệ.....	6
1.1.3.6	Dịch vụ ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác	6
1.2	Hoạt động tín dụng.....	6
1.2.1	Khái niệm.....	6
1.2.2	Phân loại hoạt động tín dụng	6
1.2.3	Quy trình tín dụng.....	7
1.2.4	Bảo đảm tín dụng.....	8
1.2.4.1	Thế chấp tài sản	8
1.2.4.2	Cầm cố tài sản:	9
1.2.4.3	Bảo lãnh:.....	9
1.3	Rủi ro trong hoạt động tín dụng:	9
1.3.1	Nhận diện rủi ro trong hoạt động ngân hàng	10
1.3.1.1	Rủi ro thanh khoản	10
1.3.1.2	Rủi ro lãi suất.....	10
1.3.1.3	Rủi ro hối đoái.....	11

1.3.1.4	Rủi ro tín dụng.....	11
1.3.2	Rủi ro tín dụng và các nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng.....	12
1.3.2.1	Nguyên nhân từ phía các ngân hàng thương mại	12
1.3.2.2	Nguyên nhân từ phía khách hàng	13
1.3.2.3	Nguyên nhân khác từ môi trường bên ngoài	13
1.3.3	Một số mô hình để đánh giá rủi ro tín dụng.....	13
1.3.3.1	Mô hình định tính	13
1.3.3.2	Mô hình định lượng	14
1.3.4	Một số nguyên tắc cơ bản đảm bảo an toàn tín dụng.....	16
2.1	Sơ lược về Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng.....	25
2.1.1	Sơ lược về Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng	25
2.1.2	Đặc điểm kinh tế- xã hội tỉnh Lâm Đồng	25
2.2	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2004 – 2006.....	26
2.3	Phân tích hoạt động tín dụng giai đoạn 2004 – 2006.....	29
2.3.1	Phân tích quy mô tín dụng	29
2.3.2	Phân tích chất lượng tín dụng	30
2.3.3	Phân tích quy trình cho vay đang được áp dụng.....	32
2.3.4	Nhận xét chung về hoạt động tín dụng giai đoạn trên	34
2.4	Nhận diện nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng giai đoạn trên	36
2.4.1	Nguyên nhân rủi ro từ phía ngân hàng	37
2.4.1.1	Nguyên nhân rủi ro từ chính sách cho vay chưa phù hợp	37
2.4.1.2	Nguyên nhân rủi ro từ quy trình cho vay	38
2.4.1.3	Nguyên nhân rủi ro từ đội ngũ cán bộ ngân hàng	39
2.4.2	Nguyên nhân rủi ro từ phía khách hàng vay	40
2.4.3	Nguyên nhân khác từ bên ngoài.....	41
3.1	Phương hướng hoạt động của ngân hàng giai đoạn tới.....	50
3.2	Một số giải pháp cụ thể nhằm ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động tín dụng	51
3.2.1	Xây dựng và thực hiện chính sách cho vay thích hợp	52
3.2.1.1	Về chính sách lãi suất.....	52

3.2.1.2	Về chính sách khách hàng	53
3.2.1.3	Về chính sách sản phẩm tín dụng	53
3.2.1.4	Về chính sách đối với tài sản đảm bảo	53
3.2.2	Hoàn thiện và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình cho vay	54
3.2.2.1	Về giai đoạn kiểm tra hồ sơ, thông tin khách hàng	54
3.2.2.2	Về giai đoạn thẩm định phương án vay vốn và trả nợ.....	55
3.2.2.3	Về giai đoạn quyết định cho vay	55
3.2.2.4	Về giai đoạn kiểm tra sử dụng vốn sau cho vay	56
3.2.2.5	Về xử lý các khoản nợ xấu	57
3.2.3	Ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại trong quản lý thông tin.....	58
3.2.4	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ	58
3.2.5	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro	58
3.2.6	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	59
3.3	Một số kiến nghị.....	60
3.3.1	Kiến nghị với Ngân hàng nhà nước	61
3.3.1.1	Nâng cao chất lượng quản lý, điều hành	61
3.3.1.2	Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thanh tra, giám sát.....	61
3.3.1.3	Cải tiến và nâng cao vai trò của trung tâm thông tin tín dụng	62
3.3.2	Kiến nghị với Chính phủ.....	63

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế nước đang phát triển khá ổn định, ngành ngân hàng với vị thế của mình trong nền kinh tế đã và đang đóng một vai trò hết sức quan trọng góp phần thúc đẩy tiến trình phát triển đó. Trong giai đoạn gần đây, hoạt động của ngành ngân hàng khá hiệu quả với nhiều nỗ lực mở rộng hoạt động, nâng cấp hệ thống, tăng cường quản lý, gia tăng dịch vụ.

Một trong những khía cạnh quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của ngành ngân hàng là khả năng kiểm soát và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động, đặc biệt là trong hoạt động tín dụng. Với những nỗ lực trên, việc kiểm soát rủi ro tín dụng hiện nay đã khá hiệu quả với các chỉ tiêu nợ xấu trong hầu hết các ngân hàng thương mại là khá lý tưởng. Tuy nhiên, những chỉ số trên có thể vẫn chưa phản ánh hết những rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động ngân hàng.

Hơn nữa, là một ngành kinh tế nhạy cảm nên hoạt động của ngành ngân hàng nếu có hiệu quả sẽ có tác động tích cực đến nền kinh tế bao nhiêu thì sẽ tác động tiêu cực bấy nhiêu nếu hoạt động kém hiệu quả. Do đó, công việc kiểm soát và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động ngân hàng nói chung và rủi ro trong hoạt động tín dụng nói riêng là một công việc thường xuyên, liên tục, không ngừng nghiên cứu giải pháp để kiểm soát và ngăn ngừa rủi ro ngày càng hiệu quả hơn; đặc biệt là ở tại các ngân hàng thương mại tại các địa phương mà tính cộ xát chưa cao.

Với suy nghĩ trên mà mong muốn được góp một phần nào đó trong nỗ lực kiểm soát và ngăn ngừa rủi ro một cách thường xuyên trong hoạt động tín dụng tại một ngân hàng thương mại ở một đại phương nhỏ, tôi xin chọn đề tài: “Nhận diện và giảm thiểu rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng” làm luận văn tốt nghiệp cao học kinh tế.

Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu giải quyết các vấn đề cơ bản sau:

Làm sáng tỏ một số khái niệm liên quan đến vấn đề rủi ro trong hoạt động ngân hàng, trong đó, tập trung phân tích đánh giá rủi ro trong hoạt động tín dụng.

Phân tích thực trạng, môi trường hoạt động của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng trong giai đoạn 2004 – 2006, khảo sát xu hướng, diễn biến nợ xấu, nợ quá hạn nhằm nhận diện một cách đầy đủ các rủi ro phát sinh cũng như cảnh báo tiềm ẩn rủi ro.

Trên cơ sở nghiên cứu những nguyên nhân gây rủi ro, cũng như các giải pháp để ngăn ngừa và xử lý rủi ro đã thực hiện; rút ra bài học kinh nghiệm cũng như đưa ra một số giải pháp, đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả kiểm soát và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động tín dụng.

Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng

Phạm vi nghiên cứu: Hoạt động kinh doanh ngân hàng nói chung và hoạt động tín dụng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng giai đoạn 2004 – 2006.

Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng các phương pháp phân tích thống kê, phương pháp chuyên gia, phương pháp điều tra khảo sát,...

Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung chính của luận văn được chia thành 03 chương như sau:

Chương I: Tổng quan về Ngân hàng thương mại, hoạt động tín dụng và rủi ro trong hoạt động tín dụng

Chương II: Thực trạng rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng

Chương III: Một số giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng

Đề tài đã được tập trung nghiên cứu và cố gắng đạt được những mục đích đề ra; tuy nhiên, do hạn chế về mặt kiến thức và thời gian nghiên cứu, đề tài không tránh khỏi những thiếu sót, khiếm khuyết; rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp của Quý Thầy Cô để luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn PGS-TS Trần Hoàng Ngân – người hướng dẫn khoa học, chân thành cảm ơn các Thầy Cô trường Đại học Kinh Tế, các Thầy Cô trường Đại học Đà Lạt, các cô chú, anh chị Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng và các Ngân hàng khác ở Lâm Đồng, các bạn đồng nghiệp và cả gia đình đã hướng dẫn, cung cấp số liệu, trao đổi kinh nghiệm và giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này.

CHƯƠNG 1
TỔNG QUAN
VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI,
HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG
VÀ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG
TÍN DỤNG

1.1 Tổng quan về ngân hàng thương mại

1.1.1 Khái niệm

Ngân hàng thương mại là một doanh nghiệp đặc biệt kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ, tín dụng; là doanh nghiệp tiến hành thường xuyên các nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, bảo lãnh, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, kinh doanh ngoại tệ, đầu tư chứng khoán,... và cung cấp các dịch vụ tài chính khác.

1.1.2 Các chức năng của Ngân hàng thương mại

Như đã nói ở trên, Ngân hàng thương mại là một doanh nghiệp đặc biệt và đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Tầm quan trọng của các ngân hàng thương mại được thể hiện qua các chức năng cơ bản của nó.

1.1.2.1 Chức năng làm trung gian tài chính

Trung gian tài chính là một hoạt động quan trọng trong nền kinh tế, hoạt động làm cầu nối cho người cần vốn và người có khả năng cung cấp vốn.

Các ngân hàng thương mại thực hiện một dịch vụ rất quan trọng đối với tất cả các khu vực của nền kinh tế bằng cách cung ứng những điều kiện thuận lợi cho việc gửi tiền tiết kiệm của dân chúng. Người gửi tiền tiết kiệm nhận được một khoản tiền thưởng dưới danh nghĩa lãi suất trên tổng số tiền gửi tiết kiệm ở các ngân hàng với mức độ an toàn và khả năng thanh khoản cao. Số tiền huy động được qua hình thức tiết kiệm luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp và cá nhân nhằm mở rộng khả năng sản xuất và các mục đích khác như tiêu dùng cá nhân hay mua nhà cửa. Phần lớn tiền gửi tiết kiệm được huy động qua hệ thống ngân hàng thương mại.

Ngay từ khi mới bắt đầu hình thành, các ngân hàng thương mại đã luôn tìm kiếm các cơ hội để cho vay và coi đó là chức năng quan trọng nhất của mình. Trong việc tạo ra khả năng tín dụng các ngân hàng thương mại đã và đang thực hiện chức năng xã hội của mình làm cho sản phẩm xã hội được tăng lên, vốn đầu tư được mở rộng và từ đó đời sống dân chúng được cải thiện. Tín dụng của các ngân hàng

thương mại có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ nền kinh tế, nó tạo ra khả năng tài trợ cho các hoạt động công nghiệp, thương nghiệp và nông nghiệp của nền kinh tế.

1.1.2.2 Chức năng làm trung gian thanh toán và quản lý các phương tiện thanh toán

Ngân hàng thương mại đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo ra những cơ chế thanh toán mới. Thật vậy, ban đầu tiền giấy có hình thái giấy nhận nợ và được các ngân hàng đảm bảo đổi ra vàng hoặc bạc khi cần thiết. Tiếp đó séc ra đời thì phần lớn việc thanh toán bù trừ séc được thực hiện thông qua hệ thống ngân hàng thương mại. Việc vi tính hoá công việc thanh toán bù trừ séc đã rút ngắn quá trình thanh toán này, đồng thời giảm bớt chi phí và nâng cao độ chính xác. Rồi trong những năm gần đây nghiệp vụ ngân hàng không séc ra đời cho thấy vai trò quan trọng của ngân hàng thương mại. Với dịch vụ ngân hàng điện tử khách hàng có thể rút tiền từ tài khoản của mình, thực hiện gửi tiền, thanh toán nợ, chuyển vốn giữa tiền gửi tiết kiệm và tài khoản séc thông qua một máy tính được nối mạng.

Mặc dù ngoại thương được hình thành và bắt nguồn từ các hoạt động buôn bán quốc tế nhưng chúng có sự khác nhau đáng kể bắt nguồn từ sự khác nhau về hệ thống tiền tệ ở mỗi nước, năng lực tài chính của người mua và người bán thuộc các nước khác nhau. Chính từ sự khác nhau này, các ngân hàng thương mại cần thiết cung ứng các nghiệp vụ ngân hàng quốc tế đối với các hoạt động ngoại thương như: chiết khấu hối phiếu, bảo lãnh, tín dụng thư, mua và bán séc du lịch...

1.1.2.3 Chức năng tạo tiền

Tạo tiền là một chức năng quan trọng, phản ánh rõ bản chất của ngân hàng thương mại. Với mục tiêu là tìm kiếm lợi nhuận như là một yêu cầu chính cho sự tồn tại và phát triển của mình, các ngân hàng thương mại với nghiệp vụ kinh doanh mang tính đặc thù của mình đã vô hình chung thực hiện chức năng tạo tiền cho nền kinh tế.

Nền kinh tế cần có một số cung ứng tiền tệ vừa đủ, phù hợp với mục tiêu khác như lạm phát, tăng trưởng kinh tế bền vững và tạo được việc làm. Và các ngân

hàng thương mại đóng vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện các chính sách này. Chúng được sử dụng như là một kênh mà qua đó lượng tiền cung ứng tăng lên hoặc giảm xuống nhằm đạt được những mục tiêu quan trọng nói trên.

1.1.2.4 Chức năng làm dịch vụ tài chính và các dịch vụ khác

Phần lớn các ngân hàng thương mại đều thực hiện dịch vụ lưu ký chứng khoán tức là dịch vụ lưu giữ, bảo quản và giúp khách hàng thực hiện quyền đối với chứng khoán do họ sở hữu. Dịch vụ lưu ký chứng khoán có thể đem lại nguồn lợi đáng kể cho các ngân hàng thương mại có đủ năng lực tài chính cũng như trình độ nghiệp vụ. Tuy nhiên chính phủ luôn kiểm soát chặt chẽ sự tham gia và mức độ tham gia của các ngân hàng thương mại vào dịch vụ này dựa trên cơ sở tín dụng ngân hàng vượt quá giới hạn đầu cơ chứng khoán có thể gây ra khủng hoảng trong hệ thống ngân hàng. Công nghệ ngân hàng đang tiến triển mạnh mẽ đem lại nhiều lợi ích cho nền kinh tế. Và nghiệp vụ môi giới chứng khoán sẽ còn là một nghiệp vụ quan trọng của ngân hàng thương mại và nhận được nhiều tác động tích cực từ sự đổi mới của công nghệ ngân hàng trong tương lai.

Việc thu nhập tăng lên đã tạo ra khả năng tích lũy lành mạnh, và chính khả năng đó đã góp phần vào việc phát triển các dịch vụ ủy thác của ngân hàng thương mại. Trong bối cảnh như thế mỗi cá nhân có thể tích lũy một khối lượng tài sản lớn, thậm chí chỉ ở mức trung bình cũng có thể xuất hiện nhu cầu muốn phân chia số tài sản đó trước khi qua đời. Với hình thức ủy thác, người ủy thác, các văn phòng ủy thác có trách nhiệm sử dụng vốn để đầu tư và quản lý số vốn này, kể cả phân phối thu nhập theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác.

Nhờ ưu thế của các ngân hàng thương mại là nơi kiên cố dùng để bảo quản tiền bạc và các vật có giá khác của bản thân ngân hàng, các ngân hàng thương mại có điều kiện thực hiện chức năng bảo quản an toàn vật có giá của khách hàng. So với các chức năng khác, bảo quản vật có giá ra đời trước ngay cả chức năng tín dụng vốn là chức năng cơ bản và chủ yếu của ngân hàng thương mại. Công việc bảo

quản vật có giá được phân thành 2 bộ phận khác nhau trong một ngân hàng: Cho thuê kết sắt bảo quản; ký thác và trực tiếp bảo quản vật có giá của khách hàng.

1.1.3 Sơ lược các mặt hoạt động của ngân hàng thương mại

Trong hoạt động, Ngân hàng thương mại thực hiện và cụ thể các chức năng trên thông qua các mặt hoạt động gồm 3 lĩnh vực nghiệp vụ: Nghiệp vụ nợ (huy động vốn, đi vay,...), nghiệp vụ có (tín dụng, đầu tư,...), nghiệp vụ môi giới, trung gian. Cụ thể các mặt hoạt động như sau:

1.1.3.1Hoạt động huy động vốn

Đây là hoạt động chủ yếu và thường xuyên của ngân hàng thương mại, bởi vì để có tiền cho vay và kinh doanh trong các lĩnh vực kinh doanh khác, ngân hàng không thể chỉ dựa vào nguồn vốn điều lệ của mình mà phải huy động vốn trên thị trường. Các hình thức huy động vốn cũng rất đa dạng, thích hợp với từng loại khách hàng như tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu ngân hàng,...

1.1.3.2 Vay của ngân hàng:

Để mở rộng nguồn vốn hoạt động hoặc đáp ứng khả năng thanh toán và chi trả cho khách hàng, các ngân hàng có thể vay vốn của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, hoặc vay của ngân hàng trung ương dưới hình thức chiết khấu, tái chiết khấu, tái thế chấp,...

1.1.3.3Hoạt động tín dụng

Đây là hoạt động chủ lực của ngân hàng, đem lại nguồn thu cơ bản trong tổng thu nghiệp vụ. Ngân hàng thương mại thường cấp tín dụng cho khách hàng dưới những hình thức như: thấu chi, chiết khấu thương phiếu, tín dụng chấp nhận, tín dụng thế chấp, tín dụng trả góp, tín dụng bảo lãnh, tín dụng liên kết, tín dụng thuê mua, tài trợ cho thuê, tín dụng chứng từ,...

1.1.3.4 Nghiệp vụ đầu tư

Để tăng thêm lợi nhuận và tăng tính đa dạng trong hoạt động, các ngân hàng còn sử dụng nguồn vốn tự có và huy động được để đầu tư vào chứng khoán hoặc tham gia thành lập các công ty,...

1.1.3.5 Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Bên cạnh việc huy động vốn và cho vay bằng ngoại tệ, các ngân hàng thương mại còn kinh doanh mua bán ngoại tệ trên thị trường hối đoái. Hoạt động này cũng có thể đem lại cho ngân hàng một nguồn đáng kể lợi nhuận.

1.1.3.6 Dịch vụ ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác

Trong hoạt động kinh doanh hiện nay của ngân hàng thương mại, hoạt động cung cấp dịch vụ ngân hàng ngày càng phát triển. Đây là loại hình kinh doanh ít rủi ro nhưng lợi nhuận thu được trên nhiều mặt: vừa thu phí dịch vụ, đồng thời lại thu hút được khách hàng. Cụ thể, có các hình thức dịch vụ chủ yếu sau: dịch vụ ngân hàng trên thị trường chứng khoán, dịch vụ uỷ thác, dịch vụ thanh toán quốc tế, dịch vụ cho thuê kết sắt,...

1.2 Hoạt động tín dụng

1.2.1 Khái niệm

Tín dụng là một giao dịch về tài sản (tiền hoặc hàng hoá) giữa bên cho vay và bên đi vay trong đó bên cho vay chuyển giao tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một thời gian nhất định theo thoả thuận, bên đi vay có trách nhiệm hoàn trả vô điều kiện vốn gốc và lãi cho bên cho vay khi đến hạn thanh toán.

1.2.2 Phân loại hoạt động tín dụng

Ngân hàng thương mại thực hiện cho vay đối với nhiều đối tượng khác nhau, với nhiều hình thức khác nhau, với nhiều thời hạn khác nhau. Để thuận tiện cho việc quản lý, hoạt động tín dụng được chia thành nhiều loại căn cứ trên các tiêu thức khác nhau như căn cứ vào mục đích, căn cứ vào thời hạn, căn cứ vào mức độ tín nhiệm của khách hàng, căn cứ vào hình thức cấp tín dụng, căn cứ vào phương pháp hoàn trả, căn cứ vào xuất xứ tín dụng,...

1.2.3 Quy trình tín dụng

Trong các quan hệ giao dịch trong lĩnh vực kinh doanh luôn tồn tại những rủi ro bất trắc do các bên tham gia không nắm rõ thông tin về nhau. Trong quan hệ tín dụng ngân hàng cũng vậy, khi thực hiện cho vay ngân hàng luôn tìm cách khai thác tối đa thông tin về khách hàng để làm rõ năng lực sử dụng vốn vay và khả năng hoàn trả vốn vay của khách hàng để làm cơ sở cho những quyết định cho vay đối với khách hàng. Việc ngân hàng nắm những thông tin không đầy đủ, bị bóp méo về khách hàng (trong kinh tế học thông tin gọi chung là *thông tin không cân xứng - asymmetric information*) là nguyên nhân dẫn tới việc hình thành rủi ro tín dụng. Để giải quyết vấn đề này, các ngân hàng thường xây dựng một quy chế cho vay chung mô tả chi tiết toàn quá trình bao gồm các bước các nguyên tắc thực hiện khi xét duyệt cho vay và được gọi là quy trình tín dụng.

Một quy trình tín dụng được xây dựng luôn nhắm tới 3 mục tiêu đó là: Lợi nhuận của ngân hàng (lợi tức), an toàn – ít rủi ro, sự lành mạnh của các khoản tín dụng.

Một quy trình tín dụng hiệu quả luôn luôn giúp các nhân viên ngân hàng trả lời các câu hỏi: Quy mô của các khoản cho vay là bao nhiêu? Thời hạn cho vay bao nhiêu là thích hợp? Sử dụng các hình thức cho vay nào?

Về mặt thời gian, quy trình tín dụng được chia ra làm 3 giai đoạn: trước khi cấp tín dụng, trong khi cấp tín dụng và sau khi cấp tín dụng. Tuy nhiên, về mặt tác nghiệp, quy trình tín dụng được chia ra thành các bước cụ thể như sau: Lập hồ sơ đề nghị cấp tín dụng, phân tích tín dụng, quyết định tín dụng, giải ngân, giám sát và thanh lý tín dụng.

Việc xây dựng quy trình tín dụng hợp lý sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động quản trị nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao doanh lợi. Quy trình tín dụng được xây dựng hợp lý sẽ có tác dụng làm cơ sở xây dựng mô hình tổ chức công việc hợp lý trong ngân hàng theo đó nhiệm vụ các cá nhân, phòng ban liên quan đến hoạt động tín dụng sẽ được quy định cụ thể. Quy trình tín dụng giúp ngân hàng thiết lập

thủ tục hành chính tối ưu trong quá trình thực hiện cho vay đối với từng nhóm khách hàng. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm thời gian và hạ thấp chi phí giao dịch cho cả hai bên trong khi vẫn đảm bảo tuân thủ những quy định của pháp luật cũng như đảm bảo các mục tiêu về an toàn trong kinh doanh của ngân hàng. Quy trình tín dụng tạo cơ sở cho việc kiểm soát quá trình thực hiện cho vay đối với khách hàng. Thông qua đó các nhà quản trị trong ngân hàng nhanh chóng xác định được những khâu còn yếu kém cần điều chỉnh cho hợp lý. Hơn thế nữa, việc kiểm soát còn giúp ngân hàng phát hiện và giải quyết triệt để những rủi ro ngay từ khi mới phát sinh.

1.2.4 Bảo đảm tín dụng

Trong quan hệ tín dụng, ngân hàng cho vay dựa trên mức độ tín nhiệm đối với khách hàng. Tuy nhiên, chỉ điều này không thôi chưa đủ, ngân hàng còn quan tâm tới sự bảo đảm bằng vật chất về khả năng hoàn trả nợ đúng hạn của khách hàng. Như vậy, với tài sản của mình khách hàng cho ngân hàng thấy được rằng, nếu mình vì một lý do nào đó mà không trả nợ đúng hạn thì ngân hàng có thể thu hồi tài sản đó để thu nợ. Điều này có ý nghĩa giúp ngân hàng tránh được rủi ro ngay cả trong trường hợp khách hàng bị phá sản do những lý do bất khả kháng. Ngoài ra, tài sản đảm bảo còn là động lực giúp khách hàng ý thức tốt hơn về việc trả nợ và hạn chế những khách hàng có ý định lừa đảo chiếm đoạt vốn vay của ngân hàng. Cụ thể:

1.2.4.1 Thế chấp tài sản

Thế chấp tài sản là việc bên đi vay dùng tài sản là bất động sản thuộc quyền sở hữu của mình hoặc quyền sử dụng đất hợp pháp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với bên cho vay. Về mặt bản chất, thế chấp là việc ngân hàng tiến hành phong tỏa quyền định đoạt tài sản của khách hàng dùng làm thế chấp trong suốt quá trình khách hàng vay tiền của ngân hàng bằng cách khách hàng viết giấy chuyển giao và giao giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản cho ngân hàng. Trên cơ sở giấy tờ đó ngân hàng cất giữ vào bảo quản tại kho quỹ như tiền mặt nhưng không có quyền định đoạt tài sản đó (chỉ phong tỏa) nếu như khách hàng không có dấu hiệu vi phạm những cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Việc trả lại giấy tờ về tài sản cho khách hàng chấm dứt sự phong toả quyền định đoạt tài sản được gọi là *giải chấp*. Giải chấp được thực hiện trong các trường hợp sau: - Khách hàng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. - Thay thế tài sản đảm bảo này bằng một tài sản đảm bảo khác hay bằng bảo lãnh. - Khi có sự chuyển hoá từ cho vay có bảo đảm sang cho vay không có bảo đảm.

Về mặt hình thức, thế chấp tài sản được thể hiện dưới dạng văn bản là một hợp đồng thế chấp. Trong hợp đồng thế chấp tài sản phải mô tả cụ thể tài sản, quyền và nghĩa vụ các bên... Hợp đồng thế chấp phải được xác nhận của công chứng nhà nước.

1.2.4.2 Cầm cố tài sản:

Cầm cố là việc bên đi vay dùng tài sản thuộc sở hữu của mình là động sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bên cho vay. Như vậy, ngoài bất động sản ra các loại tài sản dưới hình thức động sản cũng có thể được dùng làm vật bảo đảm tín dụng. Có nhiều loại tài sản cầm cố như: hàng hoá, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, chứng khoán, hợp đồng nhận thầu, hợp đồng bảo hiểm nhân thọ...

1.2.4.3 Bảo lãnh:

Trong nhiều trường hợp khách hàng có thể sử dụng bảo lãnh của một bên thứ 3 để đảm bảo khả năng trả nợ vay ngân hàng. Trong hình thức này, thay vì sử dụng một tài sản cụ thể làm vật đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, khách hàng dựa vào sự bảo lãnh của một bên thứ 3 thường là chính phủ, ngân hàng khác, công ty bảo hiểm, các công ty lớn có uy tín... Để có thể đứng ra bảo lãnh các khoản vay, phía bảo lãnh ít nhất cần phải có những điều kiện như: Có uy tín trong lĩnh vực bảo lãnh, có truyền thống về năng lực tài chính lành mạnh, có năng lực pháp lý theo quy định của pháp luật.

1.3 Rủi ro trong hoạt động tín dụng:

Là một doanh nghiệp đặc biệt hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ nên rủi ro đến với một ngân hàng thương mại có thể ảnh hưởng tiêu cực đến cả hệ thống ngân hàng, thậm chí đến cả nền kinh tế. Vì vậy, việc nhận diện rủi ro trong

hoạt động ngân hàng nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của một ngân hàng thương mại, của cả hệ thống ngân hàng và cả nền kinh tế.

1.3.1 Nhận diện rủi ro trong hoạt động ngân hàng

Rủi ro là khả năng mà những sự kiện chưa chắc chắn trong tương lai sẽ làm cho chủ thể không đạt được những mục tiêu chiến lược và mục tiêu hoạt động.

Rủi ro có thể được hiểu là những biến cố không mong đợi khi xảy ra sẽ dẫn đến sự tổn thất về tài sản, giảm sút lợi nhuận so với dự kiến hoặc phải mất thêm chi phí mới có thể hoàn thành một nghiệp vụ tài chính trong hoạt động ngân hàng.

Rủi ro trong hoạt động ngân hàng bao gồm những rủi ro có thể dự đoán trước (theo danh mục đầu tư ổn định,...), rủi ro không thể báo trước, xuất phát từ những nguyên nhân bên ngoài (như tình hình phát triển kinh tế nói chung,...), nguyên nhân bên trong (từ phía đội ngũ cán bộ,...) Có thể kể ra một vài loại cụ thể sau:

1.3.1.1 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro khi ngân hàng thương mại thiếu ngân quỹ hoặc tài sản ngắn hạn mang tính khả dụng để đáp ứng nhu cầu của người gửi tiền và người đi vay; cụ thể, rủi ro thanh khoản là rủi ro khi ngân hàng thiếu ngân quỹ để đáp ứng yêu cầu chi trả tiền gửi cho người gửi tiền, thanh toán các khoản nợ đến hạn mà ngân hàng thương mại đã vay, thiếu ngân quỹ để giải ngân cho các hợp đồng tín dụng đã thoả thuận,...

Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ xu hướng của các ngân hàng là huy động ngắn hạn và cho vay dài hạn mà thông thường thì khi có biến cố nào đó thì người gửi tiền thường rút tiền gửi từ ngân hàng nhanh hơn người vay sẵn sàng trả nợ. Sự thiếu hụt này còn được hiểu là sự thiếu dự trữ tại ngân hàng thương mại hoặc không thể huy động được các nguồn ngân quỹ từ bên ngoài.

1.3.1.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là thay đổi tiềm tàng về thu nhập lãi ròng và giá trị thị trường của vốn ngân hàng xuất phát từ sự thay đổi của mức lãi suất hay rủi ro lãi suất là rủi

ro khi thay đổi lãi suất thị trường dẫn đến tài sản sinh lời của ngân hàng thương mại giảm giá trị. Qua đó, ta thấy rủi ro lãi suất là những tổn hại về thu nhập ròng và giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu của một tổ chức tín dụng, xuất phát từ sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất gắn với cấu trúc thời hạn khác nhau giữa tài sản có, tài sản nợ và sự biến động lãi suất thị trường. Do thời hạn huy động vốn bình quân và thời hạn cho vay bình quân thường có sự khác biệt lớn; cụ thể thông thường thời hạn cho vay của các ngân hàng thương mại thường lớn hơn thời hạn huy động vốn nên khi lãi suất thị trường tăng lên thì chi phí huy động vốn tăng nhanh hơn mức tăng từ thu nhập của các khoản vay theo lãi suất cố định, làm giảm thu nhập ròng của ngân hàng.

Ngoài ra, sự khác biệt về hình thức lãi suất huy động và lãi suất cho vay cũng làm ngân hàng thương mại bị rủi ro lãi suất; cụ thể khi cho vay chủ yếu theo lãi suất cố định trong khi huy động vốn theo lãi suất thả nổi thì khi lãi suất thị trường tăng lên cũng làm cho chi phí đầu vào tăng nhanh hơn thu nhập làm chênh lệch lãi ròng giảm.

1.3.1.3 Rủi ro hối đoái

Rủi ro hối đoái là một loại rủi ro ngoại hối đối với các nền kinh tế mở. Cụ thể, rủi ro này xảy ra do sự biến động về lãi suất, lạm phát,.. ở các quốc gia khác nhau sẽ làm cho cơ hội đầu tư vào các đồng tiền khác nhau gây biến động tỷ giá; và do sự duy trì trạng thái ngoại hối thấp hơn mức cần thiết.

1.3.1.4 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là thất thoát tài chính phát sinh khi một bên đối tác không thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc nghĩa vụ theo hợp đồng đối với một ngân hàng bao gồm cả việc không thực hiện thanh toán nợ cho dù đó là khoản nợ gốc hay khoản nợ lãi khi khoản nợ đến hạn.

1.3.2 Rủi ro tín dụng và các nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng

Như đã nói ở trên, hoạt động tín dụng là hoạt động đem lại nguồn thu chủ yếu của các ngân hàng thương mại nhưng đây cũng chính là lĩnh vực nghiệp vụ phức tạp và ẩn chứa nhiều rủi ro nhất. Do đó, việc đi sâu nghiên cứu nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng là thực sự cần thiết để các ngân hàng thương mại có được các giải pháp cần thiết hạn chế rủi ro này để có được hiệu quả hoạt động cao nhất.

Rủi ro tín dụng như đã nói là tình trạng khách hàng vay của ngân hàng thương mại không có khả năng hoàn trả được hoặc lãi, hoặc gốc hoặc cả hai. Rủi ro này có nguyên nhân từ nhiều phía: từ phía người cho vay, từ phía người đi vay và cả từ môi trường bên ngoài.

1.3.2.1 Nguyên nhân từ phía các ngân hàng thương mại

Nguyên nhân đầu tiên từ phía các ngân hàng thương mại là việc không chấp hành nghiêm túc chế độ tín dụng. Cụ thể là việc cho vay tập trung vào một khách hàng, nhóm khách đến vượt quá tỷ lệ quy định trên vốn tự có dẫn đến rủi ro rất lớn cho ngân hàng nếu khách hàng, nhóm khách hàng trên gặp rủi ro mất khả năng thanh toán.

Nguyên nhân tiếp theo cần kể đến là chính sách và quy trình tín dụng còn chưa chặt chẽ và chưa bám sát thực tế nên dễ dẫn đến rủi ro khi có những khách hàng cố ý lợi dụng để trục lợi. Ngoài ra, cần phải kể đến nguyên nhân về mặt con người. Cụ thể là rủi ro có thể xảy ra do cán bộ thẩm định các hồ sơ vay của khách hàng vì lý do cá nhân hoặc vì năng lực hạn chế đã không tuân thủ đúng quy trình, xem xét không kỹ hồ sơ vay, không nhận biết hết rủi ro và đưa ra những quyết định cấp tín dụng không phù hợp.

Kỹ thuật cấp tín dụng chưa hiện đại, chưa đa dạng. Cụ thể, việc xác định hạn mức tín dụng cho khách hàng còn đơn giản, chưa phù hợp với chu kỳ kinh doanh thực tế về mặt thời hạn, cũng như chưa phù hợp nhu cầu vay thực tế của khách hàng, sản phẩm tín dụng còn nghèo nàn.

Thiếu thông tin về khách hàng và môi trường, thị trường để có cơ sở đánh giá khách hàng, hồ sơ vay một cách chính xác, khoa học trước khi ra quyết định cấp tín dụng.

Vấn đề quản lý, sử dụng, đãi ngộ cán bộ ngân hàng vẫn còn nhiều điểm chưa phù hợp nên dễ nảy sinh tiêu cực.

1.3.2.2 Nguyên nhân từ phía khách hàng

Nhóm nguyên nhân chủ quan: Nguyên nhân gây ra rủi ro nằm ngoài tác động và ý chí của khách hàng như thiên tai, hoả hoạn, sự thay đổi chính sách quản lý kinh tế, sửa đổi pháp luật nhà nước, biến động của thị trường do ảnh hưởng của tình hình kinh tế – xã hội,...

Nhóm nguyên nhân chủ quan: Đây là nhóm nguyên nhân nội tại của mỗi khách hàng như khả năng quản trị doanh nghiệp, quy mô vốn kinh doanh, sự nắm bắt thông tin về đối tác và thị trường,... Trong đó, không loại trừ yếu tố khách hàng cố ý lừa đảo ngay từ khi xin vay.

1.3.2.3 Nguyên nhân khác từ môi trường bên ngoài

Nguyên nhân gây ra rủi ro đến từ môi trường bên ngoài mà cả ngân hàng và khách hàng không chi phối, không chủ động tránh được như tính không ổn định của thị trường, sự cạnh tranh giữa các ngân hàng, sự can thiệp của chính quyền địa phương,...

1.3.3 Một số mô hình để đánh giá rủi ro tín dụng

Nhằm nhận diện và đưa ra các giải pháp ngăn ngừa, hạn chế rủi ro một cách hiệu quả, các ngân hàng thương mại có thể sử dụng các mô hình sau:

1.3.3.1 Mô hình định tính

Việc một ngân hàng thương mại đánh giá xác suất rủi ro của khách hàng vay để có cơ sở định giá các khoản vay có chính xác hay không phụ thuộc vào lượng thông tin về khách hàng mà ngân hàng thu thập được. Các yếu tố định tính bao gồm nhóm yếu tố liên quan đến khách hàng vay và nhóm yếu tố liên quan đến thị trường.

1.3.3.1.1 Nhóm yếu tố liên quan đến đến khách hàng vay

Uy tín khách hàng vay thể hiện qua lịch sử vay trả của khách hàng, uy tín này được đánh giá cao nếu trong lịch sử, họ luôn thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng vay.

Cơ cấu vốn của khách hàng: Thể hiện thông qua các tỷ số về khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ vay,... Ví dụ, nếu tỷ số vốn tự có/vốn vay càng nhỏ thì khả năng tự chủ của khách hàng càng thấp, rủi ro nhiều hơn.

Sự biến động của thu nhập khách hàng: Bất cứ sự biến động bất thường nào trong thu nhập của khách hàng cũng là dấu hiệu cảnh báo rủi ro, nhất là sự sụt giảm thu nhập. Chính vì vậy, những khách hàng có các khoản thu nhập thường xuyên ổn định sẽ được đánh giá cao hơn về mặt an toàn hơn là những khách hàng hay có sự biến động trong thu nhập.

1.3.3.1.2 Nhóm yếu tố liên quan đến thị trường

Chu kỳ kinh tế: Chu kỳ kinh tế có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, ngân hàng cần phân tích kỹ chu kỳ kinh tế để xác định được giai đoạn nào nên đầu tư vào ngành nghề nào để hạn chế rủi ro.

Mức lãi suất vay: Một khách hàng sẵn sàng chấp nhận vay với bất kỳ lãi suất nào (cho dù rất cao) cũng là một dấu hiệu cảnh báo rủi ro mà ngân hàng cần lưu ý.

1.3.3.2 Mô hình định lượng

Mô hình định tính được xem là mô hình cổ điển để đánh giá rủi ro tín dụng, tuy nhiên, mô hình này gây tốn kém nhiều thời gian phân tích mà lại mang tính chủ quan (phụ thuộc vào năng lực chuyên môn và đạo đức của cán bộ thẩm định). Do đó, hiện nay các ngân hàng thương mại chủ yếu phân tích hồ sơ vay bằng các mô hình có thể lượng hoá được rủi ro tín dụng, cụ thể là các mô hình tiếp tục được phân tích tiếp theo đây.

1.3.3.2.1 Mô hình điểm số Z

Mô hình điểm số Z này do E.I.Altman thiết lập để cho điểm tín dụng đối với các công ty sản xuất tại Mỹ, mô hình này được thiết lập phụ thuộc vào: chỉ số các yếu tố tài chính của khách hàng vay, tầm quan trọng của các yếu tố này trong việc xác định xác suất mất khả năng thanh toán của khách hàng vay. Cụ thể, mô hình được mô tả như sau:

$$ZZ = 1.2XX_1 + 1.4XX_2 + 3.3XX_3 + 0.6XX_4 + 1.0XX_5$$

Trong đó: X_1 = tỷ số ‘vốn lưu động ròng/tổng tài sản’

X_2 = tỷ số ‘lợi nhuận giữ lại/tổng tài sản’

X_3 = tỷ số ‘lợi nhuận trước thuế và tiền lãi/tổng tài sản’

X_4 = tỷ số ‘thị giá cổ phiếu/giá trị ghi sổ của nợ dài hạn’

X_5 = tỷ số ‘doanh thu/tổng tài sản’

Theo Altman thì bất kỳ công ty nào có điểm số $Z < 1.81$ phải được xếp vào nhóm có nguy cơ rủi ro tín dụng cao.

1.3.3.2.2 Mô hình điểm số tín dụng tiêu dùng

Đối với các hồ sơ vay tiêu dùng như vay mua xe hơi, trang thiết bị gia đình, bất động sản,..., các ngân hàng thương mại có thể sử dụng mô hình điểm số tín dụng tiêu dùng để xử lý cho điểm hồ sơ vay.

Các yếu tố quan trọng trong mô hình này bao gồm: hệ số tín dụng, tuổi đời, trạng thái tài sản, số người phụ thuộc, giá trị tài sản sở hữu, tuổi đời, thời gian làm việc,... Mô hình này thường sử dụng từ 7 đến 12 hạng mục. Mỗi hạng mục được cho điểm từ 1 đến 10.

Ưu điểm của mô hình này là loại bỏ được yếu tố chủ quan trong xét duyệt, giảm thời gian xét duyệt và ra quyết định tín dụng nhưng vẫn có nhược điểm là

không thể tự điều chỉnh nhanh chóng cho phù hợp với những thay đổi trong đời sống kinh tế xã hội.

1.3.3.2.3 Mô hình cấu trúc kỳ hạn rủi ro tín dụng

Mô hình cấu trúc kỳ hạn rủi ro này là mô hình dựa trên các yếu tố thị trường để đánh giá rủi ro tín dụng và phân tích “mức thưởng rủi ro chấp nhận” gắn liền với mức sinh lời của khoản nợ công ty hay tín dụng ngân hàng đối với khách hàng vay với cùng mức độ rủi ro.

Mô hình này chủ yếu đánh giá về: xác suất vỡ nợ của công cụ nợ kỳ hạn ngắn hạn, xác suất vỡ nợ của công cụ nợ kỳ hạn dài hạn. Tuy nhiên, để áp dụng được mô hình này còn phụ thuộc vào chính sách tín dụng cũng như độ chính xác của các thông tin mà ngân hàng nhận được.

1.3.4 Một số nguyên tắc cơ bản đảm bảo an toàn tín dụng

Tóm lại, việc phân tích được nguyên nhân và nhận diện được rủi ro tín dụng bằng các mô hình cụ thể là hướng tới mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho ngân hàng thương mại. Có thể tổng kết một số nguyên tắc phòng ngừa rủi ro, đảm bảo an toàn tín dụng mà các ngân hàng thương mại trong nước và trên thế giới đã và đang áp dụng như sau:

Chất lượng tín dụng quan trọng hơn việc mở rộng tín dụng.

Tuân thủ chặt chẽ chế độ, chính sách và quy trình tín dụng để hạn chế rủi ro.

Ngay từ đầu, tất cả các khoản vay nên có hai phương án trả nợ tách biệt, bao gồm cả phương án phải sử dụng đến các tài sản khác hoặc công cụ vay nợ trên thị trường của khách hàng vay để trả nợ. Khi khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp thì các tài sản thế chấp phải có tính khả mại (tức là khả năng chuyển đổi thành tiền).

Ngân hàng phải có biện pháp kiểm tra đạo đức nghề nghiệp cũng như cách thức kinh doanh của khách vay trước khi đi vào đàm phán. Nếu không đủ thông tin, không hiểu rõ về doanh nghiệp thì không nên quyết định cho vay.

Cần xem xét thái độ nôn nóng xin vay tiền của doanh nghiệp. Quyền quyết định cho vay là quyền của ngân hàng, ngân hàng phải hoàn toàn chủ động khi ra quyết định.

Việc cho các doanh nghiệp nhỏ vay bao giờ cũng rủi ro hơn các doanh nghiệp lớn do việc quản lý và kinh doanh của những doanh nghiệp nhỏ thường ẩn chứa nhiều rủi ro hơn.

Nên quyết định cho những doanh nghiệp hoạt động tại địa phương vay vì ngân hàng có thể có nhiều thông tin hơn về doanh nghiệp. Rủi ro sẽ nhiều hơn nếu một doanh nghiệp bị từ chối ở địa phương này đến địa phương khác xin vay.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Ngân hàng thương mại là một doanh nghiệp đặc biệt hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ với nhiều chức năng quan trọng như chức năng là trung gian tài chính, chức năng tạo cơ chế thanh toán và quản lý các phương tiện thanh toán trong nền kinh tế, chức năng tạo tiền cho nền kinh tế cùng các chức năng môi giới và cung cấp dịch vụ khác; vì vậy, ngân hàng thương mại trở thành một nhân tố không thể thiếu trong nền kinh tế.

Cũng như mọi doanh nghiệp khác, ngân hàng thương mại có thể gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh. Hơn nữa, là một ngành kinh tế nhạy cảm, ngân hàng thương mại có thể gặp nhiều rủi ro như rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro hối đoái và rủi ro tín dụng.

Trong đó, vì hoạt động tín dụng là hoạt động trọng yếu của ngân hàng thương mại nên rủi ro tín dụng – xảy ra khi khách hàng vay không có khả năng hoàn trả nợ gốc, lãi hoặc cả hai – được xem là rủi ro tiêu biểu nhất trong hoạt động ngân hàng.

Mặt khác, thua lỗ trong hoạt động của mỗi ngân hàng thương mại có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến cả hệ thống ngân hàng, thậm chí cho cả nền kinh tế; vì vậy, việc nhận diện và ngăn ngừa rủi ro tín dụng là một trong những việc làm bức thiết của các ngân hàng thương mại.

Để nhận diện và ngăn ngừa rủi ro tín dụng một cách hiệu quả, các ngân hàng thương mại cần xây dựng chính sách và quy trình tín dụng một cách chặt chẽ dựa trên các mô hình cụ thể và sau đó không thể bỏ qua việc tuân thủ nghiêm ngặt chính sách, quy trình đã đề ra.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN LÂM ĐỒNG

2.1 Sơ lược về Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng và đặc điểm kinh tế – xã hội tỉnh Lâm Đồng

2.1.1 Sơ lược về Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng là một chi nhánh thuộc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - tiền thân là Ngân hàng Kiến Thiết Việt Nam được thành lập vào năm 1957.

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng hiện có trụ sở chính đóng tại số 30 đường Trần Phú – Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cơ cấu tổ chức gồm hai phòng giao dịch, một điểm giao dịch và năm phòng nghiệp vụ (nguồn vốn, kiểm soát, kế toán, tín dụng 1, tín dụng 2) và một số ban phụ trách các mảng hoạt động riêng biệt như Ban marketing, Ban xây dựng cơ bản,...

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng hiện có 79 cán bộ công nhân viên, trong đó, người có trình độ đại học chiếm 80%, trình độ sau đại học là 4 người. Hàng năm, ngân hàng luôn bố trí đầy đủ cán bộ tham gia các lớp đào tạo và bồi dưỡng để nâng cao kiến thức, trau dồi nghiệp vụ đáp ứng cho yêu cầu hoạt động kinh doanh.

Là một trong những ngân hàng có vị thế quan trọng tại địa phương vì ngoài việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thuần túy của một ngân hàng thương mại, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng còn tham gia đầu tư vào các chương trình trọng điểm của tỉnh Lâm Đồng.

2.1.2 Đặc điểm kinh tế- xã hội tỉnh Lâm Đồng và hoạt động của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng trên địa bàn tỉnh

Lâm Đồng là một tỉnh thuộc vùng núi và cao nguyên thuộc nam Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên là 976.479 ha, trong đó có 200.000 ha đất bazan; dân số theo thống kê năm 2006 khoảng 1.200.000 người. Lâm Đồng có điều kiện tự nhiên và khí hậu phù hợp cho phát triển nông nghiệp (cây công nghiệp, hoa, rau,...) và du lịch. Bên cạnh đó, Lâm Đồng nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ, với hệ thống giao thông đường bộ và đường hàng không khá thuận lợi trong giao thương với các tỉnh trong khu vực và cả nước.

Với những điều kiện thuận lợi đó, tình hình kinh tế – xã hội Lâm Đồng phát triển khá ổn định với bình quân mức tăng trưởng GDP hàng năm từ 13% đến 14%. Tuy nhiên, sự phát triển đó vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của Lâm Đồng.

Hệ thống ngân hàng thương mại gồm năm ngân hàng thương mại quốc doanh và một ngân hàng thương mại cổ phần đang hoạt động tích cực trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cũng góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế toàn tỉnh.

Trong sự phát triển chung đó, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng luôn được đánh giá là một ngân hàng năng động, sáng tạo, đóng góp nguồn vốn đầu tư tín dụng to lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội địa phương. Hàng năm, Ngân hàng cung ứng doanh số từ 800 đến gần 2000 tỷ đồng nguồn vốn tín dụng phục vụ cho việc đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế tại Lâm Đồng. Từ đó, đáp ứng kịp thời cho các nhu cầu đầu tư sản xuất của nhân dân và doanh nghiệp, phù hợp với các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế địa phương.

2.2 Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2004 – 2006

Để phân tích kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn trên, chúng ta cùng xem xét, phân tích một số chỉ tiêu chủ yếu trong hoạt động qua bảng số liệu 2.1 sau đây:

Bảng 2.1 – Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

(Nguồn: Phòng Nguồn vốn – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2004	2005	2006	So sánh 05/04	So sánh 06/05
Tổng tài sản	918.348	985.394	976.000	+7,3%	-1%
Huy động vốn cuối kỳ	381.869	420.648	447.000	+10,2%	+6,3%
Dư nợ cuối kỳ	595.965	669.874	643.000	+12,4%	-4%
Lợi nhuận trước thuế	4.985	6.157	10.400	+23,5%	+68,9%

Qua bảng số liệu trên, chúng ta có thể nhận thấy tình hình kinh doanh khá hiệu quả và ổn định qua các năm.

Một ngân hàng thương mại hoạt động có hiệu quả là một ngân hàng thương mại huy động được nguồn vốn cần thiết cho hoạt động của mình. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng đã giữ vững và phát triển nguồn huy động này qua các năm với mức tăng 38.779 triệu đồng (tăng 10,2%) từ năm 2004 đến 2005. Với đà tăng trưởng đó, mức huy động tiếp tục tăng thêm 26.352 triệu đồng (tăng 6,3%) vào cuối năm 2006.

Khi đã có được nguồn vốn cần thiết, một ngân hàng thương mại buộc phải tìm được khách hàng cấp tín dụng để giải phóng nguồn vốn và tìm kiếm lợi nhuận. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng cũng đã có những nỗ lực đáng kể trong mở rộng tín dụng với mức tăng dư nợ 12% năm 2005 so với 2004. Về mặt số liệu, dư nợ cuối kỳ 2006 giảm 4% so với năm 2005 nhưng trường hợp này không phải là sự sụt giảm trong quy mô hoạt động mà do việc tập hợp số liệu có khác biệt do tách chi nhánh Bảo Lộc.

Tổng tài sản của ngân hàng cũng biến động tăng theo sự tăng trưởng của tài sản có và tài sản nợ ở trên. Năm 2005, tổng tài sản tăng 7,3% so với năm 2004. Bên cạnh đó, số liệu về tổng tài sản năm 2006 cho thấy sự kiện tách chi nhánh tuy có làm biến động chút ít số liệu và hoạt động của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng nhưng không đáng kể với việc tổng tài sản chỉ giảm 1% sau khi tách chi nhánh.

Cuối cùng, con số về mặt lợi nhuận thực sự đáng thuyết phục với mức tăng 23,5% năm 2005 so với 2004 và 68,9% năm 2006 so với 2005 bất kể tác động của việc tách chi nhánh.

Qua một vài số liệu trên, với tổng tài sản, tổng huy động, tổng dư nợ cuối kỳ qua các năm 2004, 2005, 2006 tăng đều đặn (có phần giảm chút ít vì nguyên nhân khách quan), có thể kết luận rằng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng nhìn chung là đạt hiệu quả cao, ổn định và cho thấy tiềm năng phát triển tốt hơn trong tương lai.

Tuy nhiên, những số liệu trên cũng phần nào cho thấy hoạt động huy động vốn vẫn còn chưa tương xứng với hoạt động cấp tín dụng khi mà tổng lượng huy động hàng năm chỉ đạt xấp xỉ ở mức 70% tổng dư nợ tín dụng. Tỷ lệ huy động này là một vấn đề cần quan tâm thúc đẩy huy động để đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động sinh lời. Nguyên nhân của tổng lượng huy động chưa cao một phần do điều kiện kinh tế xã hội chung của địa phương, phần khác do điều kiện cạnh tranh giữa các ngân hàng.

Để có cái nhìn tổng quát hơn, ta thử xem xét thêm vị trí so sánh của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng so với các Ngân hàng thương mại khác trên địa bàn thông qua Bảng số liệu sau:

Bảng 2.2 – Số liệu thị phần kinh doanh

(Nguồn: Phòng Nguồn vốn – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng)

	2004	2005	2006	So sánh 05/04	So sánh 06/05
Thị phần huy động vốn	18%	18%	14%	0%	-13,2%
Thị phần tín dụng	20%	21%	15%	+5%	-28,5%
Thị phần dịch vụ	18%	20%	19%	+11,1%	-5%

Xem xét số liệu về thị phần kinh doanh trên các mặt hoạt động của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng, chúng ta nhận thấy một mức ổn định từ năm 2004 đến năm 2005. Năm 2006, do tác động khách quan của sự kiện tách chi nhánh dẫn đến việc chia sẻ thị phần, thị phần kinh doanh trên các mặt hoạt động đều giảm mạnh. Thị phần hoạt động của ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng trên địa bàn có giảm sau khi tách chi nhánh Bảo Lộc (năm 2006, chi nhánh Bảo Lộc từ chi nhánh cấp 2 được tách thành chi nhánh cấp 1 hoạt động độc lập) nhưng vẫn ở mức tương đối cao và có tiềm năng tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo.

Xem xét chi tiết hơn, ta nhận thấy thị phần huy động và dịch vụ vẫn thấp hơn so với thị phần tín dụng, chứng tỏ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng vẫn còn phát triển chưa đồng đều trên các mặt hoạt động. Đặc biệt, nằm trong địa bàn mà

kinh tế phát triển chưa cao, tích lũy của tổ chức kinh tế và dân cư chưa cao, việc nỗ lực để chiếm được thị phần huy động sẽ gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy, qua so sánh thực lực từ nhiều mặt hoạt động, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng vẫn được xem là một thương hiệu mạnh, có uy tín và vị thế cao trên địa bàn.

2.3 Phân tích hoạt động tín dụng giai đoạn 2004 – 2006

Trước khi đi sâu phân tích tình hình rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng, chúng ta xem xét phân tích một số chỉ tiêu liên quan đến hoạt động tín dụng về quy mô và chất lượng tín dụng.

2.3.1 Phân tích quy mô tín dụng

Để phân tích quy mô và mức độ mở rộng tín dụng, chúng ta sẽ phân tích trên chỉ tiêu dư nợ qua các năm 2004, 2005, 2006 trên bảng số liệu 2.3 sau đây:

Bảng 2.3 – Dư nợ tín dụng theo cơ cấu

(Nguồn: Phòng Nguồn vốn – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2004	2005	2006	So sánh 05/04	So sánh 06/05
Dư nợ cuối kỳ, gồm:	595.965	669.874	643.000	+12,4%	-4%
Dư nợ ngắn hạn	270.323	319.692	300.000	+18,3%	-6,2%
Dư nợ trung hạn	314.442	346.837	344.000	+10,3%	-0,8%
Cho vay chỉ định	11.200	3.345	0	-70%	-100%
Tỷ trọng dư nợ ngắn hạn/ tổng dư nợ	45%	47,7%	46,6%	+6%	-2,3%

Về quy mô tín dụng, năm 2005 so với năm 2006, tổng dư nợ cuối kỳ tăng 12,4%; trong khi đó, năm 2006 so với 2005, tổng dư nợ lại giảm 4%, lý do chủ yếu cho sự chênh lệch số liệu sau khi tách chi nhánh Bảo Lộc. Tuy nhiên, con số trên chỉ cho thấy một cách tổng thể quy mô tín dụng mà chưa thấy được nỗ lực chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng gia tăng chất lượng tín dụng của Ngân hàng thời

gian qua, để phân tích rõ hơn cơ cấu này, chúng ta tiếp tục phân tích các số liệu cụ thể về dư nợ tín dụng từng loại và tỷ trọng dư nợ ngoài quốc doanh trên tổng dư nợ.

Các món vay theo chỉ định được xem là các món vay khá bị động và ẩn chứa nhiều rủi ro đã giảm mạnh trong giai đoạn qua, thậm chí đến cuối năm 2006, các chương trình này đã chấm dứt hoàn toàn.

Trong giai đoạn vừa qua, năm 2005 so với 2004, tốc độ mở rộng tín dụng ngắn hạn so với tín dụng trung dài hạn đạt mức tăng 18,3% so với 10,3%. Tính toán cụ thể hơn, năm 2005, tỷ trọng nợ ngắn hạn trong tổng dư nợ là 47,7% so với 45% năm 2004, tăng 6%; tuy nhiên, năm 2006, tỷ trọng dư nợ ngắn hạn vẫn chỉ đạt 46,6% giảm 2,3%.

Về khía cạnh thời hạn, những món vay có thời hạn càng dài thì càng ẩn chứa nhiều rủi ro. Vì vậy, ngân hàng luôn có xu hướng dịch chuyển tăng tỷ trọng nợ vay ngắn hạn thương mại để mau thu hồi, quay vòng vốn trong điều kiện kinh tế phát triển nhanh, có nhiều biến động và cạnh tranh. Tuy nhiên theo phân tích ở trên, nỗ lực chuyển dịch cơ cấu tín dụng vẫn chưa có tác dụng nhiều khi tỷ trọng này vẫn chưa tăng trưởng đều qua các năm.

Như vậy loại trừ yếu tố chênh lệch số liệu do tách chi nhánh, hoạt động tín dụng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng tuy có tăng trưởng nhưng không có biến động lớn về mặt quy mô trong giai đoạn vừa qua.

2.3.2 Phân tích chất lượng tín dụng

Như đã nêu trong những nguyên tắc bảo đảm an toàn tín dụng ở chương 1, chất lượng tín dụng quan trọng hơn việc mở rộng tín dụng. Phần phân tích chỉ tiêu dư nợ tín dụng ở trên cho thấy những một quy mô tín dụng khá ổn định. Tuy nhiên, hoạt động tín dụng có hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào chất lượng tín dụng. Vì vậy, chúng ta tiếp tục đi sâu phân tích một số chỉ tiêu về nợ quá hạn và tỷ lệ các khoản tín dụng có đảm bảo qua bảng số liệu 2.4 sau đây:

Bảng 2.4 – Một số chỉ tiêu phản ánh chất lượng tín dụng*(Nguồn: Phòng Nguồn vốn – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng)**Đơn vị: %*

Chỉ tiêu	2004	2005	2006	So sánh 05/04	So sánh 06/05
Tỷ lệ nợ quá hạn thương mại	1,41(%)	2,56 (%)	0,1(%)	+81,56(%)	-96%
Tỷ lệ nợ xấu	3,7(%)	7,9(%)	3,48(%)	+113,5(%)	-56(%)
Tỷ trọng Dư nợ có tài sản đảm bảo/Tổng dư nợ	72,6 (%)	72,9 (%)	70(%)	+0,4(%)	-3,9(%)
Tỷ trọng Dư nợ ngoài quốc doanh/Tổng dư nợ	59,4%	56%	54%	-5,7%	-3,5%

Một trong những tỷ lệ cần quan tâm khi đánh giá chất lượng tín dụng là tỷ lệ nợ quá hạn thương mại và tỷ lệ nợ xấu. Trong đó, theo các quy định về phân loại nợ được ban hành gần đây, tỷ lệ nợ quá hạn thương mại của các ngân hàng thương mại giảm đáng kể sau khi phân loại lại nợ xấu.

Cụ thể, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng, tỷ lệ nợ xấu năm 2005 so với năm 2004 tăng đến hơn 100%, nhưng đến năm 2006, tỷ lệ này giảm đến hơn 50%. Điều này thể hiện sự nỗ lực của ngân hàng để giảm và quản lý tốt các món nợ xấu. Bên cạnh đó, các món nợ khoanh và giãn nợ của các chương trình cho vay chỉ định đã được xử lý nên cũng góp phần đáng kể làm giảm nợ xấu.

Tỷ lệ nợ xấu tuy còn ở mức khá cao nhưng tỷ lệ nợ quá hạn thương mại (không kể nợ khoanh và giãn nợ) năm 2006 ở mức khá lý tưởng 0,1% (rất thấp so với mức quy định tối đa 2,5% của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam). Điều này cho thấy việc quản lý nợ của ngân hàng có chuyển biến rõ rệt khi từ mức tăng cao đến 81,56% năm 2005 so với 2004, ở mức 7,9%, là một mức đáng báo động đã giảm đến 96% đến 0,1%, thực sự lý tưởng.

Bên cạnh những nỗ lực giảm các tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn thương mại, Ngân hàng còn thực hiện nâng cao chất lượng tín dụng thông qua chuyển dịch cơ cấu cho vay. Cụ thể, tỷ lệ cho vay ngoài quốc doanh (khối cho vay thường ít có tài sản đảm bảo) đang giảm dần, tuy không nhiều nhưng đã có xu hướng giảm. Việc chuyển dịch này vừa giúp tăng tính đa dạng trong sản phẩm dịch vụ, vừa giúp giảm và san sẻ rủi ro cho hoạt động tín dụng.

Đi đôi với việc chuyển dịch cơ cấu trên là nỗ lực tăng tỷ trọng các món vay có tài sản đảm bảo để hạn chế rủi ro mất vốn cho ngân hàng. Tuy nhiên, tỷ trọng này vẫn chưa tăng đều, vẫn xấp xỉ 70% qua các năm. Năm 2005 so với 2004 có tăng đôi chút nhưng năm 2006 lại giảm một phần.

Như vậy, trong giai đoạn qua, chất lượng tín dụng của ngân hàng vẫn khá ổn định và có xu hướng tốt hơn đi đôi với tăng trưởng của quy mô tín dụng. Đặc biệt, tỷ lệ nợ quá hạn thương mại vào cuối năm 2006 là một tín hiệu đáng mừng cho việc quản trị rủi ro trong hoạt động tín dụng.

2.3.3 Phân tích quy trình cho vay đang được áp dụng

Trong những năm gần đây, quy trình cho vay đã có nhiều cải tiến nhằm rút ngắn thời gian làm thủ tục vừa phục vụ khách hàng nhanh chóng hơn, vừa khắc phục tình trạng quá tải do ứ đọng hồ sơ xin vay cho cán bộ tín dụng nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay. Để thực hiện được cả hai mục tiêu lớn trên, đòi hỏi một quy trình tín dụng phải chặt chẽ và khoa học; đồng thời quy trình đã được vạch ra phải được tuân thủ một cách nghiêm ngặt.

Quy trình cho vay được thực hiện thông qua các bước sau: thẩm định trước khi cho vay, quyết định cho vay và kiểm tra sử dụng vốn sau khi cho vay.

Việc thẩm định trước khi cho vay do cán bộ tín dụng trực tiếp thực hiện, đối với những món vay từ 500 triệu đồng trở lên phải thông qua hội đồng tín dụng (gồm cán bộ tín dụng, cán bộ thẩm định, lãnh đạo phòng tín dụng, lãnh đạo cơ quan). Nội dung thẩm định bao gồm: Xem xét tư cách và khả năng tài chính của khách hàng,

thẩm định phương án vay vốn, phương án trả nợ và xác minh kiểm tra tài sản đảm bảo nợ vay (nếu có).

Nội dung xem xét tư cách và khả năng tài chính của khách hàng bao gồm việc kiểm tra hồ sơ pháp lý khách hàng như chứng minh nhân dân, hộ khẩu, giấy phép kinh doanh, quyết định bổ nhiệm người đại diện pháp nhân,... Đồng thời kiểm tra lịch sử vay trả của khách hàng kể cả với ngân hàng khác qua mạng thông tin ngân hàng để đánh giá uy tín khách hàng. Kiểm tra năng lực tài chính của khách hàng thông qua các số liệu trên các báo cáo tài chính do khách hàng cung cấp; những thông tin này được phân tích và tính toán các chỉ số như tỷ lệ thanh toán nhanh, vòng quay hàng hoá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ nợ,... để từ đó đánh giá một cách chính xác năng lực tài chính của khách hàng. Hiện nay, ngân hàng đã trang bị phần mềm chấm điểm doanh nghiệp với những nội dung trên để bảo đảm tính khách quan trong xem xét tư cách khách hàng.

Sau khi xem xét tư cách và năng lực tài chính của khách hàng, cán bộ tín dụng tiến hành phân tích phương án vay vốn trên các mặt sau: phương án sản xuất kinh doanh có phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã đăng ký không, tính khả thi và hiệu quả dự kiến của phương án trên, nguồn trả nợ cho phương án vay đó phù hợp và đảm bảo không. Việc thẩm định phương án vay vốn để đạt được hiệu quả cao đòi hỏi cán bộ tín dụng phải có nghiệp vụ chuyên môn vững vàng và có kiến thức nhất định trong nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác nhau để có được những nhận định chính xác về tính khả thi cũng như hiệu quả của mỗi phương án vay. Đây cũng chính là một trở ngại lớn làm giảm hiệu quả làm việc của một cán bộ tín dụng; vì vậy, đối với những phương án vay có số tiền xin vay lớn (theo quy định hiện hành là từ 500 triệu đồng) thì phải thông qua hội đồng tín dụng hoặc tiến hành thuê thẩm định viên chuyên nghiệp trong từng lĩnh vực.

Với những món vay có tài sản đảm bảo, cán bộ tín dụng phải thực hiện việc xác minh, đánh giá tài sản đảm bảo nợ vay để kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của tài sản đồng thời đánh giá giá trị thực tế của tài sản. Tuy nhiên, hiện nay việc đánh giá

giá trị tài sản đảm bảo tại ngân hàng vẫn chủ yếu dựa trên khung giá nhà nước (thường thấp hơn giá trị thị trường) nên cán bộ tín dụng cũng không thể áp đặt ý muốn chủ quan trong việc đánh giá này.

Sau khi hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ trên, nếu đủ điều kiện cho vay thì cán bộ tín dụng lập tờ trình đề nghị cho vay trình ký lãnh đạo chuyên môn và lãnh đạo ngân hàng để xét duyệt. Qua quá trình kiểm tra nghiệp vụ, nếu hồ sơ trên được xét duyệt thì sẽ ra quyết định cấp tín dụng.

Một bộ hồ sơ vay vốn theo quy định bao gồm giấy đề nghị vay vốn; giấy chứng nhận sở hữu tài sản đảm bảo nợ vay (nếu có tài sản thế chấp); hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh; hợp đồng tín dụng; các hợp đồng kinh tế khác liên quan (nếu cần thiết). Hồ sơ này sau khi xét duyệt sẽ được chuyển xuống bộ phận giao dịch để tiến hành giải ngân cho khách hàng.

Sau khi giải ngân, cán bộ tín dụng phải tiếp tục theo dõi và kiểm tra sử dụng vốn để đảm bảo các khoản vay được sử dụng đúng mục đích, việc kiểm tra nay phải được lập các tờ trình lưu hồ sơ. Đồng thời, cán bộ tín dụng phải mở sổ theo dõi các khoản đến hạn, gia hạn, quá hạn,... để có phương án nhắc nhở, thu nợ hợp lý.

Cuối cùng, sau khi đã thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi, cán bộ tín dụng tiến hành thanh lý hợp đồng vay. Trong trường hợp có rủi ro xảy ra, phải đề nghị các phương án xử lý rủi ro thích hợp.

2.3.4 Nhận xét chung về hoạt động tín dụng giai đoạn trên

Trong giai đoạn qua, hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Cụ thể:

Từng bước mở rộng đầu tư tín dụng, mở rộng quy mô hoạt động của ngân hàng và phục vụ có hiệu quả cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Mặc dù chịu áp lực cạnh tranh khá lớn trên địa bàn hoạt động nhỏ hẹp nhưng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng vẫn chiếm thị phần khá ổn định về cả huy động vốn và cấp tín dụng thời gian qua. Đặc biệt, trên lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, ngân

hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng luôn giữ vai trò chủ đạo, đóng góp quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế xã hội chung của địa phương.

Có kế hoạch và đã nỗ lực thực hiện chuyển đổi cơ cấu đầu tư. Cụ thể, cho vay đối với khối kinh tế ngoài quốc doanh được đẩy mạnh; tỷ trọng cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn được điều chỉnh hợp lý, phù hợp với nguồn vốn huy động và hoạt động kinh tế tại địa phương.

Xây dựng và thực hiện tốt chính sách khách hàng, chính sách đầu tư. Từng bước đa dạng hoá phương thức đầu tư, hoàn thiện quy trình, thủ tục đầu tư, tạo điều kiện phục vụ khách hàng tốt nhất; từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của ngân hàng.

Từng bước kiểm soát tốt và quản lý hiệu quả hoạt động tín dụng, nâng cao chất lượng tín dụng, tiến hành phân loại lại theo các tiêu chuẩn mới để quản lý nợ; hạn chế phát sinh nợ quá hạn và nợ xấu bằng các nỗ lực cụ thể sau: Coi trọng và tăng cường công tác quản lý, điều hành đối với các bộ phận; định kỳ tổ chức phân tích dư nợ tín dụng và rủi ro tín dụng để có biện pháp giải quyết kịp thời. Hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc quy định, chế độ, quy trình nghiệp vụ kinh doanh tín dụng của ngân hàng. Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của chính quyền các cấp, các cơ quan pháp luật, cơ quan hữu quan khác trong quá trình đầu tư, xử lý; thu hồi nợ đến hạn, quá hạn; thu giữ và xử lý tài sản đảm bảo.

Từ những kết quả trên, có thể kết luận những biện pháp mà Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng áp dụng trong thời gian qua nhằm hạn chế và ngăn ngừa rủi ro đã có những tác dụng nhất định, chất lượng tín dụng đã phần nào được cải thiện và quan trọng nhất là đã được nhìn nhận và đánh giá đúng hướng, đúng bản chất.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn nhiều tồn tại cần khắc phục để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng nói chung và hiệu quả hoạt động tín dụng nói riêng. Cụ thể đó là:

Chất lượng tín dụng tuy đã được nâng cao hơn nhưng vẫn chưa thực sự bền vững, ổn định. Rủi ro tín dụng vẫn có chiều hướng gia tăng, đặc biệt việc xử lý nợ xấu, thu hồi lãi và gốc gặp nhiều khó khăn. Nguy cơ gia hạn nợ và phát sinh nợ quá hạn vẫn lớn, ngay cả đối với một số món nợ chưa đến hạn nhưng chất lượng không cao.

Cơ cấu tín dụng đã được cải thiện nhưng chưa đáng kể, chưa đa dạng sản phẩm tín dụng, việc chuyển đổi cơ cấu tín dụng còn chậm.

Tóm lại, trong giai đoạn vừa qua, với việc hoàn thiện quy trình cho vay, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ tín dụng, công tác tín dụng tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng giai đoạn qua đã vừa mở rộng được quy mô, vừa bảo đảm được chất lượng tín dụng. Cụ thể, quy mô tăng trưởng đều, các tỷ lệ phản ánh chất lượng tín dụng khá ổn định, có xu hướng giảm rõ rệt tỷ lệ nợ xấu,... Điều đó cho thấy, Ngân hàng có những cố gắng nhất định trong quản trị rủi ro, nhất là rủi ro trong hoạt động tín dụng. Tuy nhiên, hoạt động này vẫn luôn ẩn chứa nhiều rủi ro cần được nhận diện và có biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa.

2.4 Nhân diện nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng giai đoạn trên

Như đã phân tích ở trên, hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng giai đoạn qua đã từng bước nâng cao cả về quy mô và chất lượng; tuy nhiên, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu cho thấy hoạt động tín dụng vẫn ẩn chứa nhiều rủi ro. Rủi ro này thường bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân như thiếu chặt chẽ và còn yếu trong quản lý; chưa tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc tín dụng, quy trình cho vay; chính sách cho vay chưa hợp lý; khách hàng cố ý lừa đảo; cũng như là các biến động ngoài dự kiến của nền kinh tế hay sự thay đổi các chính sách nhà nước,... Vì vậy, để hạn chế rủi ro, chúng ta phải nhận biết được nhóm nguyên nhân đa dạng trên một cách hệ thống. Chúng ta có thể tiếp cận và phân tích nguyên nhân rủi ro theo các nhóm nguyên nhân sau: Từ phía ngân hàng, từ phía khách hàng vay và từ các tác động khác bên ngoài.

2.4.1 Nguyên nhân rủi ro từ phía ngân hàng

Như đã phân tích trong phần cơ sở lý luận, nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng trong hoạt động tín dụng tại một ngân hàng thương mại về mặt lý thuyết có thể chia ra thành 3 cấp độ: nguyên nhân từ chính sách cho vay, từ quy trình cho vay và từ chính đội ngũ cán bộ ngân hàng thực hiện chính sách, quy trình trên. Qua phân tích thực trạng hoạt động tín dụng tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng, một số nguyên nhân được nhận diện cũng ở 3 cấp độ như trong lý thuyết. Cụ thể sẽ được phân tích sâu như sau:

2.4.1.1 Nguyên nhân rủi ro từ chính sách cho vay chưa phù hợp

Chính sách cho vay tại các ngân hàng thương mại được quy định cụ thể trong Luật các tổ chức tín dụng cũng như trong nhiều văn bản pháp quy của nhà nước và được Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam cụ thể hoá bằng các quy định phù hợp trong hệ thống về các điều kiện, nguyên tắc cho vay, những tỷ lệ giới hạn an toàn trong cho vay, định hướng về cơ cấu cho vay...

Tuy nhiên, chính sách này vẫn chưa mang tính chiến lược dài hạn và chưa bám sát thực tế và tình hình thị trường nên vẫn còn nhiều bất cập.

Một ví dụ cho thấy việc định giá trong chính sách cho vay không tuân theo nguyên tắc thị trường là chính sách lãi suất vay ưu đãi đối với các doanh nghiệp nhà nước khi mà đúng ra loại hình doanh nghiệp này phải chịu lãi suất cao nhất; vì mức độ rủi ro của loại hình doanh nghiệp này khá cao do hiệu quả làm ăn chưa cao mà lại thường được cho vay không có tài sản đảm bảo.

Xem xét riêng về chính sách cho vay tại chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng, dưới áp lực việc cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại trên cùng một địa bàn nhỏ hẹp nên chính sách cho vay mang tính nôn nóng và ngắn hạn thì ồ ạt cho vay theo phong trào vào một vài lĩnh vực như đầu tư sản xuất cà phê,... nên quy mô tín dụng được mở rộng nhưng chất lượng tín dụng không cao. Tuy nhiên, trong giai đoạn gần đây tình hình trên đã có cải thiện rõ rệt với chính

sách chọn lọc trong đầu tư nhưng vẫn còn phải giải quyết những tồn đọng nợ xấu của giai đoạn trước.

2.4.1.2 Nguyên nhân rủi ro từ quy trình cho vay

Quy trình cho vay hiện hành như đã phân tích ở trên được sử dụng thống nhất cho tất cả các chi nhánh trong hệ thống theo quy định của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Tuy đã khá chặt chẽ, khoa học nhưng quy trình trên vẫn không tránh khỏi nhiều điểm yếu.

Trong quy trình trên, chưa có sự phân định rõ giữa khâu thẩm định và khâu cho vay, cán bộ tín dụng vừa là người thẩm định, vừa là người đề nghị cho vay; việc kiểm soát của trưởng phòng tín dụng và lãnh đạo ngân hàng cho sơ sài. Hiện nay, quy định về những hồ sơ vay phải thông qua hội đồng tín dụng khá chặt chẽ và cụ thể về điều kiện nhưng hoạt động của hội đồng tín dụng còn mang tính hình thức việc các thành viên hội đồng tín dụng cũng không đầu tư thời gian nghiên cứu hồ sơ mà phần lớn là thông qua.

Việc thu thập thông tin về hồ sơ vay vốn vẫn chưa có ràng buộc chặt chẽ về tính chất pháp lý của thông tin. Cán bộ tín dụng chủ yếu sử dụng số liệu do doanh nghiệp cung cấp mà bỏ qua giai đoạn tham khảo nhiều nguồn thông tin khác để kiểm chứng nên rủi ro từ việc nắm bắt thông tin sai lệch dễ xảy ra. Hệ thống chấm điểm doanh nghiệp tự động còn cứng nhắc, không linh hoạt và nhiều chỉ tiêu không bám sát thực tế.

Trong quy trình, khâu thẩm định thường được chú trọng và kiểm soát chặt hơn mà thường lơ lửng khâu kiểm tra sử dụng vốn cũng như sự luân chuyển vốn nên dễ dẫn đến sử dụng vốn sai mục đích rồi gây thất thoát vốn vay, trở ngại trong thu hồi vốn.

Việc thẩm định tài sản đảm bảo quy định theo khung giá hoặc theo giá trị sổ sách mà chưa quan tâm đến giá trị thực tế nếu buộc phải chuyển nhượng khi xử lý nợ nên cũng dễ gây thiệt hại cho ngân hàng với những tài sản mà giá trị thực tế còn quá thấp. Theo quy định hiện hành, ngân hàng có thể thuê các chuyên gia tư vấn

thẩm định giá chuyên nghiệp để đánh giá chính xác giá trị tài sản thực tế nhưng việc này ít được thực hiện vì tốn kém chi phí, chưa có ràng buộc pháp lý cụ thể với bên tư vấn và ảnh hưởng đến thời gian hoàn thành hồ sơ vay.

Quy trình cho vay phân tích ở trên tuy còn nhiều khe hở nhưng vẫn có hiệu quả cao nếu được tuân thủ chặt chẽ, tuy nhiên, hiệu quả vẫn chưa cao do yếu tố con người trực tiếp thực hiện vẫn còn nhiều điểm chưa phù hợp.

2.4.1.3 Nguyên nhân rủi ro từ đội ngũ cán bộ ngân hàng

Trong giai đoạn vừa qua, với quá trình thực hiện việc nâng cấp và hiện đại hoá công nghệ ngân hàng, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển đã rất chú trọng đến công tác đào tạo và tái đào tạo đội ngũ cán bộ ngân hàng. Tuy nhiên, trong thực tế trình độ chuyên môn cán bộ ngân hàng nói chung và cán bộ tín dụng nói riêng vẫn còn nhiều điểm chưa phù hợp.

Hầu hết cán bộ tín dụng được tuyển dụng theo tiêu chuẩn của ngành công việc này chỉ được đào tạo chuyên về lĩnh vực tài chính ngân hàng nên thiếu sự hiểu biết sâu sắc về các lĩnh vực ngành nghề mà họ thẩm định cho vay. Ví dụ như các kiến thức liên quan đến chu kỳ kinh doanh đặc thù của các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, các thông số kỹ thuật trong các doanh nghiệp xây dựng cơ bản,... Do đó, họ thường có xu hướng nghiêng về việc thẩm định khía cạnh tài chính mà xem nhẹ các yếu tố kỹ thuật liên quan. Việc thuê các chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp trong các lĩnh vực nghề nghiệp riêng biệt vẫn chưa được chú trọng.

Ngoài nguyên nhân về chuyên môn thì vấn đề đạo đức của cán bộ tín dụng cũng là một nguyên nhân gây rủi ro cho hoạt động tín dụng. Nhất là trong điều kiện hiện nay, chính sách tiền lương và đãi ngộ đối với cán bộ tín dụng nói riêng, cán bộ ngân hàng nói chung của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển cũng như các Ngân hàng thương mại quốc doanh nhìn chung vẫn thấp hơn so với các Ngân hàng thương mại ngoài quốc doanh như là thêm một tác nhân là cho đội ngũ cán bộ tín dụng bị chi phối bởi các lý do tài chính cá nhân. Sự chi phối này dẫn đến những nhận xét, đánh giá thiếu khách quan khi phân tích các hồ sơ xin vay của khách hàng hoặc hời hợt,

thiếu trách nhiệm trong thẩm định hồ sơ dẫn đến việc thông đồng hoặc bỏ qua một số điểm thiếu an toàn trong hồ sơ khách hàng, gây rủi ro cho ngân hàng.

2.4.2 Nguyên nhân rủi ro từ phía khách hàng vay

Rủi ro từ phía khách hàng vay có 2 dạng là khách hàng cũng bị rủi ro ngoài ý muốn không thể thanh toán nợ vay và dạng khách hàng cố ý lừa đảo chiếm dụng vốn của ngân hàng.

Ở dạng thứ nhất, khách hàng vay vốn để sản xuất kinh doanh thực sự nhưng do nhiều nguyên nhân cả khách quan như thiên tai, hoả hoạn, sự thay đổi chính sách,... lẫn chủ quan từ chính năng lực quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh yếu nên dẫn đến thua lỗ hoặc chính khách hàng bị bạn hàng lừa đảo hoặc bạn hàng cũng gặp rủi ro,... và mất khả năng hoàn trả gốc và lãi cho ngân hàng.

Rủi ro xảy đến ở dạng thứ hai rất đa dạng ở nhiều cấp độ khác nhau: từ việc sử dụng vốn sai mục đích, đến việc làm sai lệch nghiêm trọng hồ sơ và cố ý chây ỳ không trả nợ. Ở cấp độ thứ nhất là khách hàng không sử dụng vốn vay đúng mục đích sản xuất kinh doanh mà dùng vào các hoạt động đầu tư khác hoặc đảo nợ xấu dẫn đến không thể thanh toán nợ. Một cấp độ khác táo bạo hơn cũng đã phát hiện được là khách hàng dùng các giấy tờ sở hữu không đủ tính pháp lý (cạo sửa, trùng lắp, giả mạo,... một cách tinh vi) để làm hồ sơ tài sản thế chấp nhưng trong phạm vi nghiệp vụ của cán bộ tín dụng không thể phát hiện được. Một hình thức khác là khách hàng đủ khả năng trả nợ mà vẫn cố tình chây ỳ không chịu trả nợ. Tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng nói chung và tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển nói chung, có hiện tượng khá đặc thù là khách hàng vay theo các chương trình chính sách, hỗ trợ sản xuất của chính phủ hoặc địa phương sau khi kết thúc chu kỳ kinh doanh, mặc dù có lợi nhuận vẫn cố tình không trả nợ để chờ các chính sách khoan nợ, xoá nợ của nhà nước đối với hộ nghèo, hộ dân tộc ít người cho dù họ không đủ điều kiện; gây khó khăn cho cán bộ tín dụng khi giải thích, thu nợ.

2.4.3 Nguyên nhân khác từ bên ngoài

Ngoài các nguyên nhân chính từ phía ngân hàng và khách hàng, không thể không kể đến một số tác động khác gây rủi ro cho hoạt động tín dụng đến từ môi trường kinh tế bên ngoài. Cụ thể bao gồm:

Là một tỉnh phát triển nông nghiệp, khí hậu có nhiều biến động phức tạp, thiên tai xảy ra nhiều hơn cộng với dịch bệnh trên gia cầm, gia súc làm nền kinh tế địa phương Lâm Đồng, đặc biệt là sản xuất chăn nuôi bị ảnh hưởng khá nhiều. Năm chung trong tác động tiêu cực đó, giai đoạn 2004 – 2006, các hồ sơ vay sản xuất – chăn nuôi không thu được nợ khá nhiều khi thiên tai, mất mùa, dịch bệnh diễn ra trên diện rộng và giá cả nông sản lại diễn biến thất thường, khó lường trước.

Nguyên nhân tiếp theo có thể kể đến là nền kinh tế tỉnh Lâm Đồng tuy có phát triển tương đối nhanh trong giai đoạn gần đây nhưng vẫn còn mang tính tự phát, chưa có quy hoạch rõ ràng nhất là trong khối kinh tế ngoài quốc doanh và hộ sản xuất nên việc lập kế hoạch, ước lượng rủi ro của ngân hàng cũng gặp nhiều khó khăn.

Các chương trình cho vay theo chỉ định của nhà nước, cho vay chính sách và sự thay đổi chính sách nhà nước trong từng giai đoạn kinh tế cũng ẩn chứa nhiều rủi ro cho hoạt động tín dụng, nhất là các chương trình cho vay chính sách vùng sâu, vùng xa rất khó khăn trong việc kiểm soát sử dụng vốn và thu hồi nợ. Đồng thời, việc triển khai chương trình kinh tế, quy hoạch, xét duyệt dự án của các cơ quan chức năng còn chậm, chưa có sự phối hợp ăn ý. Còn nhiều bất hợp lý trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản và thanh toán vốn ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Lâm Đồng là một tỉnh thuộc vùng núi cao nguyên thuộc Nam Tây Nguyên, có thổ nhưỡng và khí hậu phù hợp phát triển nông nghiệp và du lịch. Kinh tế tăng trưởng đều qua các năm nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và còn thiếu tính quy hoạch dài hạn trong phát triển.

Với quy mô phát triển kinh tế còn khiêm tốn của địa phương, địa bàn hoạt động của các ngân hàng thương mại mang tính cạnh tranh khá cao. Trong số đó, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng là một trong những ngân hàng chiếm thị phần trong các mặt hoạt động ổn định qua nhiều năm, xấp xỉ 20%.

Giai đoạn 2004 – 2006, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng hoạt động kinh doanh khá hiệu quả, ổn định và có tiềm năng phát triển trong thời gian tới. Hoạt động tín dụng giai đoạn hoạt động trên cũng vẫn ổn định về mặt quy mô và chất lượng các khoản tín dụng nhưng không tránh khỏi những rủi ro trong hoạt động tín dụng vì vẫn còn tồn tại một tỷ lệ nhất định nợ xấu, nợ quá hạn thương mại và nợ không thu hồi được.

Một số nguyên nhân dẫn đến rủi ro có thể được kể đến như nguyên nhân liên quan đến sự thiếu chặt chẽ trong chính sách, quy trình tín dụng; sự thiếu tuân thủ nghiêm ngặt quy trình của cán bộ ngân hàng do năng lực chuyên môn chưa phù hợp hoặc do chính lý do chủ quan về mặt đạo đức nghề nghiệp; bên cạnh đó, không thể không kể các nguyên nhân gây rủi ro từ phía khách hàng cả chủ quan và khách quan; cũng như nguyên nhân từ chính các chính sách quản lý nhà nước, địa phương.

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM GIẢM THIỂU RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN LÂM ĐỒNG

2.5 Hướng hoạt động của ngân hàng giai đoạn tới

Nằm trong hệ thống Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và đóng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nên định hướng phát triển của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng phần nào chịu sự chi phối của kế hoạch từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và nằm trong định hướng phát triển kinh tế – xã hội chung của địa phương.

Trong thời gian tới, tỉnh Lâm Đồng chủ trương khai thác có hiệu quả nguồn nội lực, thu hút ngoại lực, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, nâng cao nhịp độ và chất lượng tăng trưởng, đảm bảo phát triển nhanh nền kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ; đầu tư co trọng điểm vào một số địa bàn động lực, đồng thời, giải quyết tốt các vấn đề xã hội nhằm tạo ra một bước chuyển biến mới để đột phá, tăng tốc đưa Lâm Đồng thoát khỏi tình trạng chậm phát triển, phấn đấu tăng trưởng bình quân GDP hàng năm từ 13% đến 14%, đến năm 2010, GDP bình quân đầu người đạt mức 15,5 - 16,5 triệu đồng.

Nằm trong mục tiêu phát triển chung đó, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng đã và đang có định hướng phát triển nhiều loại hình dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ, đầu tư hạ tầng, chế biến nông sản xuất khẩu vay vốn tín dụng hàng ngàn tỷ đồng để phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư. Ngân hàng cũng có kế hoạch mở rộng mạng lưới Chi nhánh, phòng giao dịch đến các huyện thị xã, thành phố. Phát triển mạnh mẽ dịch vụ ATM, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, trả lương tự động qua hệ thống thẻ thanh toán cho cán bộ công nhân viên trên địa bàn tỉnh. Tổ chức dịch vụ chuyển tiền trong nước và quốc tế với thời gian nhanh nhất, chi phí thấp nhất; đồng thời, tổ chức dịch vụ thanh toán quốc tế. Tiến hành bảo lãnh cho các đơn vị thi công vay vốn với doanh số trên 500 tỷ đồng.

Về ngành dọc, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

trong các mặt hoạt động. Cụ thể, về chỉ tiêu huy động kế hoạch tăng trưởng 18%/năm; dư nợ tín dụng tăng trưởng 24%/năm; tỷ lệ nợ xấu dưới 5%, tỷ lệ nợ quá hạn dưới 2,5%; tỷ lệ dự nợ quốc doanh trên tổng dư nợ đạt 70%, tỷ lệ dư nợ có tài sản đảm bảo đạt 75%, thu dịch vụ ròng tăng trưởng 150%/năm.

Hoạt động trong thời gian tới của Ngân hàng hướng tới những mục tiêu cụ thể như mục tiêu tăng trưởng bền vững; mục tiêu hoạt động an toàn, hiệu quả; mục tiêu phát triển khách hàng và mục tiêu nâng cao đời sống công nhân viên bằng việc duy trì sự tăng trưởng bền vững các mặt hoạt động theo luật pháp, các quy định, hướng dẫn; phát triển khách hàng theo hướng đôi bên cùng có lợi; đồng thời, tăng hiệu quả hoạt động đi đôi với động viên, khai thác và cải thiện đời sống công nhân viên.

2.6 Một số giải pháp cụ thể nhằm ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng

Như đã phân tích ở phần thực trạng hoạt động tín dụng và một số nguyên nhân cơ bản dẫn đến rủi ro tín dụng tại một ngân hàng thương mại nói chung, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng nói riêng, rủi ro tín dụng có thể xảy đến từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan từ chính bản thân ngân hàng, từ khách hàng và từ cả môi trường kinh tế bên ngoài. Nhận diện được những nguyên nhân trên là điều kiện cơ bản để phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng và trong giai đoạn qua, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng đã thực hiện khá nhiều giải pháp hiệu quả để giảm thiểu rủi ro.

Tuy nhiên, quản lý rủi ro là một quá trình liên tục trong một ngân hàng thương mại nên để hiệu quả hoạt động bền vững thì nhất thiết không ngừng đề ra các giải pháp để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý rủi ro, đặc biệt trong hoạt động tín dụng. Ngân hàng thương mại muốn giảm thiểu rủi ro cho mình nhất thiết phải có một hệ thống giải pháp chủ động ngăn ngừa và hạn chế rủi ro từ những nguyên nhân chủ quan nội bộ cũng như hạn chế sự ảnh hưởng từ phía khách hàng. Sự chủ động này được thể hiện ngay từ khi xây dựng chính sách cho vay, quy trình cho

vay, thực hiện quy trình và kể cả các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn gian lận từ phía khách hàng cũng như đảm bảo an toàn vốn cho ngân hàng khi khách hàng gặp rủi ro. Sau đây, chúng ta sẽ đi sâu phân tích việc áp dụng và hiệu quả áp dụng của các giải pháp theo trình tự trên.

2.6.1 Xây dựng và thực hiện chính sách cho vay thích hợp

Hiện nay, chính sách cho vay với các quy định cơ bản về nguyên tắc chung, điều kiện cho vay, các tỷ lệ an toàn trong cho vay vẫn đang được Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng thực hiện theo quy định chung của Ngân hàng Nhà nước cũng như quy định cụ thể của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Quyền chủ động trong xây dựng chính sách cho vay nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng là việc xây dựng các chính sách về lãi suất, quy mô và cơ cấu tín dụng phù hợp với đặc điểm nguồn vốn, khả năng quản lý, nhân lực cũng như đặc thù địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Cụ thể, chính sách cho vay nên được xây dựng theo hướng sau:

2.6.1.1 Về chính sách lãi suất

Như đã phân tích ở phần thực trạng, vẫn còn những quy định chưa hợp lý khi khối doanh nghiệp nhà nước được hưởng mức lãi suất khá ưu đãi so với các loại hình doanh nghiệp khác trong khi nhiều doanh nghiệp thuộc khối này lại ẩn chứa rủi ro khá cao khi không có tài sản đảm bảo và hiệu quả hoạt động không ổn định. Điều này trước đây được xây dựng dựa trên chính sách phát triển khối doanh nghiệp nhà nước nhưng nay không còn phù hợp với điều kiện xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh cho tất cả các loại hình doanh nghiệp. Trong môi trường cạnh tranh đó, chính sách lãi suất của một ngân hàng thương mại sẽ được xây dựng tùy thuộc vào uy tín của khách hàng, tính khả thi của hoạt động vay vốn và độ an toàn của món vay. Trên cơ sở đó, chính sách ưu đãi lãi suất hoặc lãi suất linh hoạt cần được áp dụng cho những khách hàng có lịch sử vay trả sòng phẳng, có hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, có dự án sử dụng vốn vay khả thi cũng như có tài sản đảm bảo thích hợp. Trong chính sách về lãi suất, các ngân hàng thương mại vẫn chấp nhận cho vay những món vay có rủi ro khá cao (ví dụ thiếu tài sản đảm bảo, ...) với mức

lãi suất cao vượt trội để nâng cao lợi nhuận; tuy nhiên, cần phải giới hạn hình thức này trong một tỷ lệ nhất định để tránh rủi ro quá lớn.

2.6.1.2 Về chính sách khách hàng

Cần được xây dựng để có thể giữ chân khách hàng cũ cũng như thu hút khách hàng mới theo hướng đa dạng hoá thành phần từ cá nhân đến tổ chức kinh tế để vừa mở rộng thị phần, vừa phân tán rủi ro so với việc tập trung hơn 50% dư nợ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng vào doanh nghiệp quốc doanh như hiện nay và mảng khách hàng vay cá nhân vẫn chưa thực sự được chú trọng. Để thực hiện tốt việc đa dạng hoá khách hàng, cần thiết phải có các chương trình cụ thể hướng tới từng nhóm khách hàng cụ thể với những ưu đãi không chỉ về lãi suất và điều kiện mà còn về sự đa dạng của sản phẩm tín dụng và lĩnh vực đầu tư.

2.6.1.3 Về chính sách sản phẩm tín dụng

Sự đa dạng của sản phẩm tín dụng vừa góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động nói chung của ngân hàng thương mại, vừa mở rộng, đa dạng khách hàng, lĩnh vực đầu tư, mở rộng quy mô tín dụng sẽ góp phần phân tán và hạn chế rủi ro tín dụng nếu hệ thống sản phẩm tín dụng được thiết kế chặt chẽ. Một số sản phẩm tín dụng cần được phát triển thêm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng mở rộng điều kiện và hình thức cho vay tiêu dùng, cho vay cầm cố chứng khoán,... để thu hút thêm lượng khách hàng tự nhiên đến ngân hàng giao dịch, không chỉ trong tín dụng mà cả trong thanh toán và huy động.

2.6.1.4 Về chính sách đối với tài sản đảm bảo

Tài sản đảm bảo là nguồn thu thứ cấp để thu hồi vốn khi có rủi ro xảy ra vì vậy cần phải có quy định cụ thể hơn về việc định giá tài sản đảm bảo, tính pháp lý của việc định giá, định giá lại và tính khả mại của tài sản thế chấp cũng như việc kết hợp với nhiều cơ quan, ban ngành khác trong việc xử lý tài sản đảm bảo. Thực hiện kết hợp các biện pháp bảo hiểm tài sản thế chấp, bảo hiểm nợ vay.

2.6.2 Hoàn thiện và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình cho vay

Hiện nay, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng đang thực hiện theo quy trình cho vay được xây dựng khá khoa học và chặt chẽ phát hành từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam như đã phân tích ở phần thực trạng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện từ khâu tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, quyết định cho vay và kiểm tra sử dụng vốn, thu hồi vốn sau cho vay vẫn còn nhiều hạn chế và lỏng lẻo. Để quy trình này đạt được hiệu quả thì cần xem đây là một quy trình thống nhất, xuyên suốt các giai đoạn; không vì lý do gì mà coi trọng hay xem nhẹ một giai đoạn nào trong quy trình. Cụ thể, một số lỗi trong thực hiện quy trình và giải pháp khắc phục sẽ được phân tích sau đây.

2.6.2.1 Về giai đoạn kiểm tra hồ sơ, thông tin khách hàng

Việc kiểm tra các thông tin liên quan đến hồ sơ pháp lý, năng lực tài chính, năng lực quản lý, uy tín tín dụng chủ yếu dựa trên hai nguồn thông tin là từ khách hàng và từ thông tin nội bộ trên mạng ngân hàng. Cán bộ tín dụng phải tận dụng toàn bộ nguồn thông tin này để có được nhận định chính xác về khách hàng vay.

Tuy nhiên, do một nguồn thông tin do chính khách hàng cung cấp nên có thể tính chính xác không cao, đặc biệt trong trường hợp khách hàng cố ý làm sai. Để tránh gặp phải rủi ro thông tin, ngân hàng nên có sự kết hợp với một số cơ quan ban ngành có đủ chức năng để có thể đối chiếu thông tin do khách hàng cung cấp (ví dụ: cơ quan thuế, cơ quan quản lý tài chính,...) và áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp chủ doanh nghiệp, khách hàng vay, một số đối tượng liên quan; đồng thời sử dụng triệt để nguồn thông tin từ Trung tâm phòng ngừa rủi ro Ngân hàng nhà nước (Mạng CIC) để nắm bắt tính xác thực của thông tin.

Một rủi ro khác có thể xảy ra ở giai đoạn này là sự chủ quan hoặc cố ý đưa ra nhận định chủ quan của cán bộ tín dụng trong việc nhận xét về năng lực tài chính của khách hàng. Do đó, hiện nay Ngân hàng đang áp dụng một phần mềm chấm điểm để xếp loại doanh nghiệp và cá nhân vay vốn để có cơ sở cho vay cũng như quyết định lãi suất. Tuy nhiên, hiện nay phần mềm này vẫn chưa thực sự đạt hiệu

quả như mong muốn vì biểu chấm điểm cũng như xử lý thông tin còn hẹp, cho ra những kết quả xếp loại chưa thực sự thuyết phục. Hệ thống chấm điểm, xếp loại doanh nghiệp, cá nhân vay vốn này cần được xem xét cải tiến mở rộng thang điểm, tăng chỉ tiêu thông tin để đạt hiệu quả sử dụng cao hơn.

2.6.2.2 Về giai đoạn thẩm định phương án vay vốn và trả nợ

Như đã phân tích ở phần thực trạng, ở giai đoạn này, một trong những trở ngại lớn nhất gây rủi ro là sự hạn chế về mặt chuyên môn của cán bộ tín dụng trong những phương án vay mang nhiều đặc thù sản xuất kinh doanh của nhiều ngành nghề khác nhau.

Để giải quyết trở ngại trên, giải pháp được đề nghị là bổ sung kiến thức chuyên ngành khác cho cán bộ tín dụng (sẽ phân tích cụ thể ở giải pháp về nguồn nhân lực) hoặc tăng cường thuê đội ngũ thẩm định viên chuyên nghiệp trong những phương án xin vay lớn, mang tính kỹ thuật sâu để có thể phân tích chính xác tính khả thi trước khi quyết định cho vay. Hoạt động thuê tư vấn chuyên nghiệp này hiện nay đã bắt đầu được sử dụng nhưng vẫn còn trong phạm vi hẹp vì tốn chi phí và thời gian thẩm định. Tuy nhiên, cần quy định rõ những ngành nghề, giá trị tổng đầu tư nên thuê tư vấn chuyên nghiệp để bộ phận tiếp nhận hồ sơ chủ động đề xuất thuê tư vấn nhằm nâng cao hiệu quả thẩm định phương án vay.

Một phương án kỹ thuật được đề nghị trong giai đoạn này là nên xây dựng một phần mềm thẩm định dự án dựa trên việc phân tích các chỉ tiêu định lượng và cần có sự kết hợp một số chỉ tiêu định tính để phần mềm linh hoạt hơn, hiệu quả hơn. Nếu xây dựng thành công một phần mềm như thế, chi phí hoạt động và chi phí đào tạo sẽ giảm hẳn mà ngân hàng lại có được những báo cáo thẩm định khách quan, chính xác.

2.6.2.3 Về giai đoạn quyết định cho vay

Trước khi cán bộ tín dụng đề xuất cho vay và lãnh đạo ngân hàng quyết định cho vay cần tập hợp một số thông tin về thị trường, chính sách kinh tế,... để có cái

nhìn hệ thống về rủi ro có thể xảy ra trong một bối cảnh cụ thể trước khi ra quyết định.

Việc ra quyết định cho vay cần phải có sự kiểm tra kỹ lưỡng thay vì kiểm tra sơ sài và quyết định theo đề nghị của cán bộ tín dụng thì hiệu quả phòng ngừa rủi ro sẽ cao hơn.

Đối với những món vay phải thông qua hội đồng tín dụng để xét duyệt thì càng ẩn chứa rủi ro cao hoạt động của Hội đồng tín dụng vẫn mang tính hình thức, các thành viên không có đủ thời gian cần thiết để nghiên cứu hồ sơ và đa phần vẫn quyết định theo đề nghị của cán bộ tín dụng trực tiếp xử lý hồ sơ. Chính vì vậy, hoạt động của hội đồng tín dụng cần quy định thời gian nghiên cứu hồ sơ cụ thể và phải có ý kiến bằng văn bản của tất cả thành viên hội đồng trước khi họp để ra quyết định.

2.6.2.4 Về giai đoạn kiểm tra sử dụng vốn sau cho vay

Giai đoạn này mang ý nghĩa quan trọng trong việc phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu rủi ro trước khi nó xảy ra gây hậu quả nặng nề với phần vốn vay. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn bị thực hiện một cách đối phó cho đủ thủ tục quy định nên hiệu quả kiểm tra không cao. Nhất thiết phải có những giải pháp thích hợp để giai đoạn này được thực hiện chặt chẽ.

Kiểm tra nghiêm ngặt và đốc thúc cán bộ tín dụng thực hiện tốt giai đoạn này trong quy trình. Phải kiểm tra thực tế hoạt động của các dự án, phương án sản xuất kinh doanh để có cảm nhận được môi trường, hiệu quả công việc của doanh nghiệp. Nếu có các dấu hiệu bất thường trong sử dụng vốn, phải tăng cường kiểm tra đột xuất để có hướng xử lý kịp thời. Từ đó, có được nhận xét khách quan, chính xác hiệu quả sử dụng vốn để có định hướng thích hợp cho việc quản lý, kiểm soát sử dụng vốn và thu hồi phần vốn đã cho vay.

Ngoài việc đốc thúc cán bộ tín dụng trực tiếp kiểm tra sử dụng vốn, nên có một cơ chế kiểm tra chéo trong giai đoạn này để bảo đảm tính khách quan trong kiểm tra, nếu có điều kiện, có thể tổ chức một bộ phận kiểm tra sử dụng vốn chuyên

biệt cho những món vay lớn, có tầm quan trọng đặc biệt để nhận diện rủi ro ngay từ khi mới phát sinh từng phần.

2.6.2.5 Về xử lý các khoản nợ xấu

Xử lý kịp thời, hiệu quả các món nợ xấu là một trong những giải pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro cho ngân hàng thương mại trước khi các món nợ bị thất thoát lớn. Tuy nhiên, hiện nay, việc quản lý và xử lý, thu hồi nợ đều do cán bộ tín dụng đảm nhận nên hiệu quả không cao do không có sự tập trung xử lý dứt điểm. Để hiệu quả cao hơn, nên tách một bộ phận chuyên biệt quản lý nợ nhóm 2 đến nhóm 5. Cụ thể, việc quản lý có thể được tiến hành như sau.

Đối với nợ nhóm 2 (nợ quá hạn dưới 90 ngày và nợ gia hạn): Những món nợ này bắt đầu xuất hiện rủi ro chậm thanh toán nên cần phải có sự quan tâm giám sát kỹ càng. Sau khi tìm hiểu nguyên nhân, nếu việc phát sinh nợ quá hạn vì nguyên nhân khách quan và hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động sử dụng vốn vay vẫn tiến triển tốt thì chỉ cần theo dõi, đốc thúc khách hàng trả nợ khi đủ điều kiện. Riêng trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu quản lý yếu kém, hoạt động không hiệu quả thì phải kiên quyết chấm dứt quan hệ tín dụng, thu hồi ngay các khoản nợ quá hạn để giảm thiểu rủi ro.

Đối với nợ xấu (từ nhóm 2 đến nhóm 5) phải đặt trong tình trạng kiểm soát hết sức chặt chẽ. Ngoài việc đốc thúc khách hàng trả nợ phải kiểm soát, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ để trong trường hợp cần thiết sẽ phải khởi kiện, thu hồi vốn vay bằng các hình thức khác như xử lý tài sản đảm bảo, thanh toán bảo hiểm, xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro,... Trong trường hợp món nợ không có tài sản đảm bảo (thường là doanh nghiệp nhà nước) thì phải có hướng xử lý tích cực khác như xác định đối tượng phải gánh chịu khoản nợ thay thế (ví dụ: đơn vị hình thành từ đơn vị cũ phá sản,...), hoặc phải xử lý tài sản công nợ còn lại,...

Việc xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi vốn vay hiện nay còn chậm do chưa có sự kết hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan ban ngành liên quan; ngân hàng cần chủ động có kế hoạch xử lý cụ thể để các cơ quan liên quan có thể nhanh chóng tập hợp

đủ hồ sơ, ra quyết định xử lý. Trong thời gian chờ xử lý tài sản đảm bảo nợ vay, ngân hàng nên có biện pháp thu giữ và khai thác sử dụng thích hợp để có nguồn thu bù đắp phần vốn tồn đọng chờ xử lý.

2.6.3 Ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại trong quản lý thông tin khách hàng

Hiện nay, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam đang tiến hành nâng cấp công nghệ, hiện đại hoá toàn hệ thống. Dự án trên đã góp phần thúc đẩy, nâng cao hiệu quả hoạt động của cả hệ thống. Cần thiết hoàn thiện và sử dụng triệt để hơn công nghệ hiện đại để thu hút khách hàng, quản lý thông tin khách hàng và giảm thiểu rủi ro tín dụng nếu khách hàng vay vốn cũng chính là khách hàng thanh toán hoặc huy động.

2.6.4 Xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Trong quản lý ngân hàng thương mại nói chung và quản lý hoạt động nói riêng, một trong những giải pháp tích cực là tăng cường kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Hiện Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng đã có bộ phận kiểm soát nội bộ hoạt động độc lập nhưng hoạt động vẫn còn mang tính định kỳ, chưa thực sự tích cực. Để nâng cao hiệu quả công tác này, phải có sự tuyển chọn cán bộ thuộc bộ phận này kỹ lưỡng, giỏi về nghiệp vụ chuyên môn đồng thời có phẩm chất đạo đức vững vàng. Bên cạnh đó, về khía cạnh thực hiện nghiệp vụ, việc kiểm tra phải diễn ra thường xuyên, bám sát và nên có sự kết hợp với các phòng ban nghiệp vụ kiểm tra chéo các bộ phận để kịp thời phát hiện những thiếu sót, sai phạm, ngăn ngừa rủi ro trước khi xảy ra; không ngừng đổi mới phương pháp kiểm tra cho thích hợp với từng giai đoạn hoạt động, từng mục đích kiểm tra. Cán bộ nghiệp vụ thuộc bộ phận này cần được thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ, luật pháp và chính sách.

2.6.5 Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro

Như đã trình bày trong các nội dung trước, một phần khá lớn rủi ro trong hoạt động tín dụng xuất phát từ việc thiếu thông tin hoặc tiếp nhận thông tin không

chính xác từ khách hàng, xử lý thông tin thị trường còn sơ sài. Tất cả phần việc trên hiện đều đặt trách nhiệm vào cán bộ tín dụng nên việc xảy ra thiếu sót và xử lý sai lệch dù vô tình hay cố tình là điều khó tránh khỏi. Để tránh được rủi ro từ nguyên nhân trên, cần thiết phải thiết lập hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro trên nhiều cấp độ: trong cả hệ thống Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trong cả hệ thống các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh và trong nội bộ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng.

Hiện nay, hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và từ Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lâm Đồng vẫn đang hoạt động cung cấp thông tin cho các ngân hàng thương mại nhưng hiệu quả chưa cao vì thông tin được cung cấp chỉ thuần túy là những con số mà thiếu những nhận định chuyên môn, những dự báo, cảnh báo đáng tin cậy của các chuyên gia tài chính.

Cần thiết xây dựng một bộ phận chuyên xử lý và lưu trữ thông tin khách hàng, thị trường và có những dự báo, cảnh báo định hướng để làm nguồn dữ liệu cho các bộ phận khác tham khảo khi có nhu cầu. Xây dựng diễn đàn trao đổi những tình huống thực tế để mọi người cùng trao đổi, học tập và rút kinh nghiệm, tránh lặp lại những thiếu sót đã từng gây rủi ro trước đây.

2.6.6 Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Phần trên đã phân tích khá nhiều về nguyên nhân gây ra rủi ro và một số giải pháp kỹ thuật để phòng ngừa rủi ro nhưng tất cả các giải pháp đó không thể đạt hiệu quả tối ưu nếu bỏ qua yếu tố con người thực hiện. Vì vậy, giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được đưa ra tập trung vào một số nội dung sau.

Về tuyển dụng và đào tạo sau tuyển dụng: công tác này khá được chú trọng trong thời gian qua nhưng chưa có định hướng rõ ràng nên hiệu quả sử dụng nhân lực vẫn chưa cao. Nên có định hướng cụ thể về việc tuyển dụng cán bộ được đào tạo chuyên ngành tài chính ngân hàng và có hướng đào tạo thêm một vài chuyên ngành khác trong lĩnh vực đầu tư mà ngân hàng quan tâm, việc tiếp tục đào tạo này vẫn chưa được chú trọng mà chủ yếu vẫn tập trung vào đào tạo tài chính ngân hàng.

Trong tình huống khác, có thể tuyển dụng cán bộ tín dụng có chuyên ngành ở một lĩnh vực sản xuất kinh doanh cụ thể và sau đó tiếp tục đào tạo chuyên ngành tài chính ngân hàng theo định hướng phát triển dài hạn.

Bộ phận tín dụng cần phân bổ cụ thể cán bộ chuyên trách các lĩnh vực sản xuất kinh doanh riêng biệt để cán bộ chủ động tự bổ sung kiến thức lĩnh vực khác thay vì sắp xếp theo cơ cấu tiếp nhận hồ sơ ngẫu nhiên như hiện nay. Tiến tới, đào tạo và sử dụng bộ phận thâm định chuyên nghiệp trong từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh chuyên biệt.

Về các phẩm chất khác ngoài chuyên môn, cán bộ tín dụng cần có phẩm chất đạo đức tốt (kiểm tra kỹ lưỡng thông qua hồ sơ cá nhân và có biện pháp kiểm soát trong quá trình làm việc), khả năng giao tiếp khách hàng tốt để có thể hoàn thành công việc trong mối quan hệ thân thiện với khách hàng.

Cần trang bị kiến thức về văn hoá doanh nghiệp cho toàn thể cán bộ ngân hàng sao cho mỗi cán bộ đều làm việc vì mái nhà chung là ngân hàng của mình. Tăng cường tổ chức các hoạt động đoàn thể, sinh hoạt ngoài công việc để gắn kết mọi người với nhau, tạo niềm tự hào cho mỗi cán bộ ngân hàng.

Bên cạnh đó, không thể bỏ qua một chế độ đãi ngộ tương xứng để tránh tiêu cực và tình trạng “chảy máu chất xám” trong tình hình khan hiếm nhân lực cao cấp trong ngành tài chính ngân hàng hiện nay.

2.7 Một số kiến nghị với Ngân hàng nhà nước, Chính phủ và các cơ quan ban ngành

Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại chịu tác động trực tiếp các chính sách, chủ trương, quy định từ Ngân hàng nhà nước, từ Chính phủ và có mối liên hệ mật thiết với các cơ quan ban ngành khác. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng nói chung, nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giảm thiểu nói riêng, cần thiết phải có sự kết hợp hợp lý với các cơ quan quản lý ngành dọc, cơ quan quản lý nhà nước cấp cao và tại địa phương. Do đó, sau đây xin có một vài kiến nghị về mặt quản lý và kết hợp với Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và các cơ quan ban ngành liên quan.

2.7.1 Kiến nghị với Ngân hàng nhà nước

2.7.1.1 Nâng cao chất lượng quản lý, điều hành

Trong việc hoạch định chính sách, cần cân đối một cách thích hợp giữa các mục tiêu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, ổn định tiền tệ và sự phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng thương mại; tránh tình trạng thắt chặt hoặc thả lỏng quá mức, thay đổi định hướng quá đột ngột gây ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng thương mại.

Nâng cao vai trò định hướng trong quản lý và tư vấn cho các ngân hàng thương mại thông qua việc thường xuyên tổng hợp, phân tích thông tin thị trường, đưa ra các nhận định và dự báo khách quan, mang tính khoa học; đặc biệt là liên quan đến hoạt động tín dụng để các ngân hàng thương mại có cơ sở tham khảo, định hướng trong việc hoạch định chính sách tín dụng của mình sao cho vừa đảm bảo phát triển hợp lý, vừa phòng ngừa được rủi ro.

Nhanh chóng nghiên cứu, ban hành các quy định cụ thể để các ngân hàng thương mại áp dụng chuẩn xác, kịp thời các công cụ bảo hiểm cho hoạt động tín dụng như bảo hiểm tiền vay, quyền chọn, hoán đổi lãi suất và các công cụ tài chính phái sinh khác,... Đồng thời tổ chức đào tạo, hướng dẫn thực hiện các nghiệp vụ trên để giúp các ngân hàng thương mại vừa đa dạng hoá sản phẩm tín dụng, vừa phòng ngừa và phân tán rủi ro trong hoạt động tín dụng.

2.7.1.2 Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thanh tra, giám sát đối với ngân hàng thương mại

Xây dựng đội ngũ thanh tra, giám sát chuẩn về nghiệp vụ ngân hàng, nghiệp vụ kiểm tra, có phẩm chất đạo đức tốt, được cập nhật thông tin về chính sách, luật pháp, thị trường để một phần thực hiện thanh tra, giám sát hoạt động của ngân hàng thương mại, phần khác có thể đưa ra các nhận định, kết luận giúp ngân hàng thương mại nâng cao hiệu quả hoạt động.

Chương trình thanh tra cần được xây dựng chi tiết, khoa học, thông tin được thu thập và phân tích kỹ lưỡng, tránh mang tính hình thức sao cho chương trình

thanh tra vừa đảm bảo kiểm soát được ngân hàng thương mại, phòng ngừa rủi ro lại vừa không gây ảnh hưởng đến hoạt động của các ngân hàng thương mại.

Cần xây dựng phương án bổ sung hoặc hoán đổi cán bộ thanh tra giữa các chi nhánh Ngân hàng nhà nước để bảo đảm tính khách quan và tạo môi trường hoạt động đa dạng cho cán bộ thanh tra, kiểm tra traudồi nghiệp vụ.

2.7.1.3 Cải tiến và nâng cao vai trò của trung tâm thông tin tín dụng (CIC)

Như đã phân tích ở phần trên, hiện nay một trong những bộ phận thông tin tín dụng quan trọng được ngân hàng thương mại sử dụng là do Trung tâm thông tin tín dụng (mạng CIC) cung cấp. Trung tâm này hoạt động dưới sự điều hành của Ngân hàng nhà nước địa phương nhưng hoạt động với hiệu quả chưa cao trong thời gian qua vì thông tin thường không đầy đủ và thiếu tính cập nhật. Để mạng thông tin trên hoạt động thực sự hiệu quả, có một số kiến nghị với phía quản lý như sau:

Tuyển chọn và đào tạo cán bộ làm công tác quản lý mạng CIC theo hướng chuyên môn hoá (thay vì cán bộ kiêm nhiệm như hiện nay). Cán bộ quản lý bộ phận này không chỉ phải am hiểu về công nghệ thông tin như khai thác thông tin qua mạng và các công cụ hỗ trợ khác mà còn cần có khả năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp và đưa ra những nhận định, cảnh báo thích hợp thay vì những con số báo cáo thông kê khô khan cho các ngân hàng thương mại tham khảo, định hướng.

Chú trọng đổi mới và hiện đại hoá các trang thiết bị, thiết lập hệ thống sao cho việc thu thập cũng như cung cấp thông tin tín dụng được thông suốt, kịp thời và thuận tiện nhất.

Thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát và có chế tài nghiêm túc với các ngân hàng thương mại không tuân thủ đầy đủ các quy định về cung cấp và cập nhật thông tin cho mạng CIC. Đồng thời thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến kinh nghiệm trong công tác thu thập và xử lý thông tin tín dụng cho cán bộ liên quan ở các ngân hàng thương mại.

2.7.2 Kiến nghị với Chính phủ

Các ngân hàng thương mại hiện nay rất cần sự hỗ trợ từ phía Chính phủ và các cơ quan ban ngành liên quan trong việc bảo đảm quyền chủ nợ. Do đó, Chính phủ cần nghiên cứu ban hành, bổ sung các quy định pháp luật nhằm hỗ trợ đảm bảo quyền chủ nợ, luật về đảm bảo tiền vay, luật về quyền sở hữu tài sản,... để khắc phục các khó khăn về quy trình, thủ tục và thời gian xử lý tài sản đảm bảo thu hồi vốn vay như hiện nay.

Trước mắt, các cơ quan ban ngành cần làm việc thống nhất, tránh đùn đẩy trách nhiệm; đồng thời nghiên cứu điều chỉnh một số quy định không phù hợp thực tế (ví dụ như thời gian hạn cấp giấy chứng nhận giao dịch đảm bảo hơi dài, hoặc các quy định không cho phép đăng ký giao dịch đảm bảo với tài sản trên đất thuê,...) trong hoàn chỉnh hồ sơ thế chấp và thực hiện kết hợp hỗ trợ các ngân hàng thương mại theo đúng tinh thần các nghị định chính phủ về vấn đề tài sản đảm bảo và xử lý tài sản đảm bảo.

Chính phủ cần chỉ đạo ban hành các văn bản pháp luật quy định rõ trách nhiệm của các công ty kiểm toán, công ty tư vấn các vấn đề liên quan đến tài sản như giá trị, quyền sở hữu, thủ tục phá sản,... nhằm hạn chế việc các công ty này thông đồng với doanh nghiệp vay vốn ngân hàng đánh giá sai tình trạng thực tế của doanh nghiệp gây thiệt hại cho ngân hàng thương mại.

Tiếp tục đẩy mạnh tiến trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, trong đó có các ngân hàng thương mại, nhằm thúc đẩy các ngân hàng thương mại tăng cường năng lực tài chính theo các chuẩn mực quốc tế; lãnh mạnh hoá tình hình tài chính, xử lý dứt điểm nợ tồn đọng thông qua việc thay đổi hình thức quản lý, điều hành.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Nằm trong hệ thống Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và đóng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nên định hướng phát triển của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng phần nào chịu sự chi phối của kế hoạch từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và nằm trong định hướng phát triển kinh tế – xã hội chung của địa phương.

Hoạt động trong thời gian tới của Ngân hàng hướng tới những mục tiêu cụ thể như mục tiêu tăng trưởng bền vững; mục tiêu hoạt động an toàn, hiệu quả; mục tiêu phát triển khách hàng và mục tiêu nâng cao đời sống công nhân viên.

Để thực hiện được mục tiêu trên, cần có những giải pháp tích cực trong việc ngăn ngừa và giảm thiểu cho hoạt động kinh doanh ngân hàng nói chung và hoạt động tín dụng nói chung. Cụ thể đó là những giải pháp về xây dựng và thực hiện chính sách cho vay thích hợp; hoàn thiện và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình cho vay; ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý thông tin khách hàng; xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Đồng thời, để nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại, không thể thiếu sự hỗ trợ về mặt chủ trương, chính sách và cơ chế quản lý của Ngân hàng Nhà nước, của Chính phủ và của các cơ quan ban ngành liên quan.

LỜI KẾT

Ngân hàng thương mại là một doanh nghiệp đặc biệt hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Hoạt động của ngân hàng thương mại chịu tác động của nhiều yếu tố như môi trường kinh tế, chính trị, xã hội, các cơ chế, chính sách quản lý điều hành vĩ mô và vi mô. Và những yếu tố trên lại luôn có sự thay đổi để phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế, đặc biệt là trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay. Sự thay đổi đó một mặt tạo ra nhiều cơ hội cho hoạt động ngân hàng thương mại trong nước, mặt khác cũng làm gia tăng rủi ro trong hoạt động. Hơn nữa, rủi ro khi xảy đến với một ngân hàng thương mại lại có tác động tiêu cực nặng nề đến toàn bộ nền kinh tế. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả năng lực quản trị rủi ro trong hệ thống ngân hàng thương mại nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững đã và đang là nhiệm vụ cấp bách đối với tất cả ngân hàng thương mại.

Qua nghiên cứu và thực tiễn cho thấy rủi ro trong hoạt động ngân hàng nói riêng và rủi ro trong hoạt động tín dụng nói riêng đều có thể được nhận diện, đo lường để đưa ra các dự báo kịp thời có tính cảnh báo; trên cơ sở đó xây dựng những phương án nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu các thiệt hại do rủi ro gây ra nếu các ngân hàng thương mại xây dựng được hệ thống quản lý rủi ro một cách hiệu quả và nhận thức sâu sắc được rằng: “Quản lý rủi ro là một quá trình liên tục, cần thực hiện ở mọi cấp độ của một tổ chức tài chính và là yêu cầu bắt buộc để các tổ chức tài chính có thể đạt được các mục tiêu đề ra và duy trì khả năng tồn tại và sự minh bạch về tài chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS-TS Nguyễn Đăng Dòn và nhóm biên soạn: TS Hoàng Đức, TS Trần Huy Hoàng, TS Trâm Thị Xuân Hương, Th.S Nguyễn Quốc Anh, "Tín dụng ngân hàng", NXB Thống Kê.
2. PGS-TS Trần Hoàng Ngân và nhóm biên soạn: Th.S Võ Thị Tuyết Anh, TS Trương Thị Hồng, Th.S Hoàng Thị Minh Ngọc, "Tiền tệ – Ngân hàng và Thanh toán quốc tế", NXB Thống Kê.
3. Nguyễn Lâm, Đặng Văn Tạo – Viện Khoa học ngân hàng, "Tín dụng Ngân hàng dành cho các doanh nghiệp", NXB Thống Kê.
4. TS Lê Văn Tê, "Nghịệp vụ tín dụng và thanh toán quốc tế", NXB TPHCM
5. GS-TS Lê Văn Tư và nhóm biên soạn: Lê Tùng Vân, Lê Nam Hải, "Các nghiệp vụ ngân hàng thương mại", NXB Thống Kê.
6. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, (2006), "Tự hào truyền thống 50 năm".
7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, (2005), "Nâng cao năng lực quản trị rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam" (Kỷ yếu hội thảo khoa học), NXB Phương Đông.
8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, (2005), "Chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng đến năm 2010 và tầm nhìn 2020" (Kỷ yếu hội thảo khoa học), NXB Phương Đông.
9. Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng, "Lâm Đồng hướng tới TK XXI".
10. Các website: www.sbv.gov.vn, www.mof.gov.vn, www.bidv.com.vn, www.fob.ueh.edu.vn, www.hvnh.edu.vn.